

Khóm Mặc Lan

Sáng nay, thức dậy lúc sao mai chéch xé nóc nhà, ông giáo già lụi cùi nấu nước sôi, chế trà rồi độc ầm, thưởng trà cùng với sương sớm. Ông ngồi xếp bằng thế hoa sen, thẳng lưng, bụng chung trà cả hai tay, xoay xoay rồi nhấp từng ngụm nhỏ. Chậm rãi, cẩn trọng... ông uống trà, đồng thời, ông uống luôn cái vị, cái khí, cái không gian thanh bình, tĩnh lặng của miền quê cổ đô yên ả... Mùa đông mà trời lạnh nhẹ, khá khô ráo, cũng lạ. Thời tiết đất Thần Kinh mấy năm nay thay đổi khá thú vị; cái mưa dầm thối đất, sục sùi, sũng nước, không biết nó đã di trú nơi nào, hay đã theo chân mù phương những người xa Huế? Cũng nhớ...

Ông đã qua bình trà thứ hai. Cái trà Phở Nhĩ Vân Nam này, vị không đậm mà ngọt hậu. Cũng rứa thôi, cũng như Thiết quan âm, Ô long, chẳng ngon gì! Ông đã quen với trà tuyết, còn hằng ngày lại thích chè xanh cây nhà lá vườn. Vị nể ông bạn lai Tàu nên mua uống thử. Trà nào mà không thanh nhiệt, lợi tiểu, sáng mắt...! Bày đặt quảng cáo, sinh ra dị ứng tất cả! Nhưng khóm mặc lan được mang về từ đó - học trò ông biếu tặng - hoa đang nẩy chồi, là một giống lạ; nó không có hai đường chỉ trắng trên mép lá, trông khác với mặc lan cổ xưa Huế; có lẽ ta nên dành để dâng thầy thưởng xuân... Ông cúi đầu xuống, lòng rung rung...

Trời ửng sáng. Ông bước ra hiên. Không gian đùng đục. Sương mù lất vất, mờ mờ. Ông đưa mắt nhìn những chậu địa lan ngồi an bình, lưu niên trên dãy giả đôn đầu voi trắng: Bạch ngọc, đại ngọc, tiểu kiều, mặc lan... lá xanh ngời như có thể soi mặt được. Ông gật gù, mỉm cười. Đây là thành quả từ công phu vượt

lá ngày này sang ngày khác của ông và con trai. Cái hơi người - nhân diện - và tình cảm của người trồng chính là yếu tố quan trọng nhất. Thời này, chẳng còn ai chăm chút tỉ mỉ như vậy. Người ta không có thì giờ, kể cả không có thì giờ để thờ! Tội nghiệp! Ông vui thắm trong bụng, ta tỉ mỉ chăm chút để bảo tồn vốn cổ, là cái mỹ học của cha ông đó chứ! Ai mà biết, phải không?

Ông nhớ, ông đã học được kỹ thuật trồng địa lan của một cụ Nghè. Địa lan của cụ ấy trồng nổi tiếng một thời, đến đổi cậu Cần cũng phải ghen tỵ. Nhìn những chậu địa lan ngời ngời xanh mướt, láng lẩy, chồi hoa tuy gầy nhưng ẩn chứa một sinh lực khỏe khoắn, ông tò mò hỏi tưới phân chi? Cụ Nghè cười cười trong ánh mắt lấp lánh, rồi hỏi ngược lại: Chú giáo, chú tưởng địa lan phàm phu tục tử lắm hay sao mà phải ăn phân này, phân nọ? Ông mở tròn mắt. Cụ Nghè ha hả cười, nắm tay ông kéo lên hiên, vào ngôi từ đường hương khói thời gian, sai bày bàn trà... Trong không gian cổ kính, mùi trầm, mùi văn chương thi phú, mùi của cốt cách tao nhã; mùi của nếp sống thư hương, kẻ sĩ... một lần ấy thôi - mà nó đã ngấm đậm tâm hồn ông suốt cả nửa cuộc đời còn lại. Phân chi ư? Cái đó là bí truyền, phải giấu kín. Hằng ngày nó ăn và uống nước trong vắt, có than hoạt tính khử phèn. Tôi quý địa lan ở phong cách đó. Nó cho hương sắc, nhưng mà rất khiêm nhường. Sắc nó màu âm, màu lạnh; không phô trương, ồn ào như lan ngoại; lại càng không rực rỡ, trình diễn ngoại hình thời trang như hồng, như đào. Nó rất lặng lẽ, khiêm cung, từ tốn... Hương thì sâu, kín - đúng như chữ *u hương* trong Đường thi! *Tôi không trồng hoa mà tôi trồng một bài thơ Đường*. Nói xong, cụ Nghè cười sảng khoái! Suốt đời, ông giáo - có lẽ ông không bao giờ quên được nụ cười kỳ lạ của cụ Nghè. Một đời *binh-sinh-thanh-cao-cốt-cách*, nếu có được một nụ cười *phiêu-diêu-khoát-hoạt*, cùng lắm, cũng chỉ bằng nụ cười hôm ấy mà thôi! Thế còn địa lan Đà Lạt? Một hôm khác, ông hỏi. Cụ Nghè cất giọng xẵng, địa lan Đà Lạt! Không phải, cái đó là thổ lan, gọi địa lan là phỉ báng địa

lan! Cái thổ lan ấy là cái giống Tây, bậm bạp, to cao, chắc khỏe, uống ăn dung tục; rồi cứ nhón gót mà nở, cứ vỗ ngực mà nở... ờn ào, hỗn láo như một cậu thanh niên hippy hoa hòe, hoa sói? Làm sao sánh được với cốt cách văn vật, cao nhã cô đô!

...Những ngày nắng to, ông ra sau hè, đánh trần, xắn quần xuống ao vớt bùn non - chỉ là bùn non thôi - rồi chuyển lên phơi trên một đám đất cao ráo. Nếu thiếu, ông đặt mua các ao đầm chỗ này, chỗ kia. Đứa con trưởng - lúc ấy đang là giáo sư chủ nhiệm phân khoa dân tộc học - trong giờ rảnh rỗi, thấy vậy, ra tay phụ giúp ông. Vị giáo sư hỏi, cha làm chi mà vất vả rửa, sao không thuê người làm? Ông cười ruồi, tao đang thật sự nghỉ ngơi đấy chứ! Sự nghỉ ngơi của một con ngựa già đã mỏi mệt sau những cuộc đua đường trường, một đời, lao nhọc! Đứa con dòng máu đại khoa, *gène trí thức*, kính trọng vị cha già có một vài phút giây tự mãn dễ thương; ông gật đầu mỉm cười, nói tiếp - thế cha sẽ dùng bùn này vào việc gì? Bí mật, ông đáp, tao trân trọng lời hứa thiêng liêng với một linh hồn cũ xưa (*cụ Nghè đã mất*); nó đẹp như cái gì giấu kín đằng sau câu chữ của Đường thi, con không hiểu đâu! Quả thật, con ông không thể hiểu được! Thời đại này chúng không thể nào hiểu được cái tầng văn hóa ẩn mật trong cục đất, cục bùn - nơi những chậu hoa địa lan; mà ở đó, chúng chan chứa cái đẹp của nhân văn, cái mỹ diệu của nghệ thuật sống; cái ân nghĩa vô lượng của cuộc đời, với thiên nhiên ngoại vật!

...Đất bùn non gom lại, phơi khô đúng một năm nắng, ông lại lúi cùi đập nhỏ, sàng, rây cho mịn... Ông con trí thức lại hỏi, cha làm gì thế này, nghỉ tay một chút vào góp ý giúp con cái đề cương mà con đã phác thảo về bảo tồn vốn cổ của dân tộc... Ông ngược đầu lên, lấp lánh niềm vui trong ánh mắt; ừ, tốt, con đã không phụ lòng kỳ vọng của tiên tổ. Tốt, tốt... rồi ông lại cúi xuống, đập, sàng, rây... Ông nói, tao cũng đang bảo tồn vốn cổ của dân tộc đấy chứ! Tao cặm cùi làm với hồn đất, hồn văn đó thôi! Ông nhướng mắt lên, cái kiếng trệ xuống: Những công trình hiện vật

cổ xưa, tìm, điều nghiên thì sẽ còn, kể cả các giá trị phi vật thể - nhưng bí quyết trồng một bài thơ Đường thì sẽ thất truyền, xót xa lắm, con ơi! Ông con nói, cha lại nhạo con rồi! Thế cha không góp ý giúp con à? Ông cất tiếng như giảng bài, nhưng giọng trầm ấm, xúc động: Con là thanh niên thuộc thời đại mới - thời của internet - mà chân bước đi không hồng đất, mắt không đắm cái hào nhoáng, óc không lầy uế những giá trị ảo, trí không nhiễm thói kiêu căng, hãnh tiến; sở học đã không coi thường vốn cổ của cha ông mà còn có những công trình tầm cỡ để giữ gìn, bảo tồn nữa. Tốt, rất tốt! Người con có vẻ phân trần, giải thích: Công trình của con nó rất quan trọng, sẽ được đọc trong một cuộc hội nghị khoa học toàn châu Á do Unesco tổ chức. Người con nói tiếp, giọng buồn: Ở Huế này chỉ có cha mới có thể đọc, hiểu và góp ý giúp con những chỗ bất cập... còn, thưa cha, con biết tìm ai được đâu! Ông tháo mắt kiếng, lấy vạt áo màu nâu bạc chùi bụi: Con nói thế, biết bao nhiêu là giáo sư tiến sĩ thời đại mới; cha đâu có chút học hàm, học vị - nhưng già rồi, kiến thức thì quê mùa, lạc hậu rồi! Người con nói, giáo sư tiến sĩ ngày nay ấy à, chỉ một số nào đó thôi, thưa cha - còn không biết bao nhiêu là tiến sĩ giấy, tiến sĩ bù nhìn như thời Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương...! Con ông cất giọng bùi ngùi, con không có bạn, thưa cha! Thầy, cũng vậy, hiếm lắm! Ông bắt đầu đứng thẳng lưng dậy, quăng dụng cụ, giận dữ - hiếm lắm à? Không thầy đồ mầy làm nên. *Nhất tự vi sư, bán tự vi sư*. Con mà còn nuôi dưỡng ý tưởng kiêu mạn ấy thì sẽ làm ô nhiễm tâm hồn, ô nhiễm các giá trị tinh thần thiêng liêng, con có biết không?

Ông con, giáo sư, hôm ấy, biết mình lỡ lời, sợ hãi, khép nép, im thin thít. Từ nhỏ, ông giáo huấn con rất nghiêm khắc; ông sử dụng rất ít kiến thức sách vở, không thích dùng lý luận biện chứng sáo mòn; mà chỉ nói chừng mực, vừa phải - cốt gợi ý về đời sống cụ thể, giữ gìn tác phong, nhân cách và tâm thái văn hóa trong giao tiếp, ứng xử, công việc... Sớm nào ông cũng cùng

con nấu nước sôi, ché trà, pha trà... Cả hai tập chờ đợi, tập để tâm rỗng rang, tĩnh lặng; thưởng thức không gian và môi trường sống với thiên nhiên xung quanh. Ông trao đổi với con, nói về bản lãnh của kẻ sĩ là phải thể hiện cho bằng được đời sống tinh thần không bị nhiễm ô, đừng bị vấy bẩn bởi khói, bụi và các loại chất độc vi tế... Nghệ thuật sống là phải biết quán niệm, lắng nghe và tự chủ ngay từ hơi thở đầu tiên trong ngày... Và cũng từ tách trà sớm tinh sương ấy, nó sẽ duy trì sinh lực để vô hiệu hóa những tư tưởng yếu hèn, bạc nhược - mà chúng thường lý luận rất hay ho để thỏa hiệp với những cái dung tục của đời thường... Ông đã mãn nguyện khi đã định hướng cho con ông đi theo con đường bảo vệ những giá trị truyền thống... Bây giờ, con ông bảo là thầy hiếm lắm. Nó không phải sai. Nó có cái lý của nó. Hoặc do nó buồn về tình trạng tha hóa, tụt dốc phẩm chất, khuyết tật kiến thức của quá nhiều giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ... thời nay! Nhưng không nên phui tay tuốt tuột như thế! Vong ân bội nghĩa quá! Thế hệ ông khác, một chữ cũng là thầy. Nó đâu có biết rằng... thế gian này có biết bao nhiêu là ông thầy!

...Bùn rây xong, ông nhờ mấy o mấy mẹ hàng xóm xin nước luộc nghêu, ốc, hến rồi hì hục bóp, nhồi; nhồi cho thật nhuyễn, trộn thêm với than hoa cỡ hạt đậu, hạt bắp. Xong, dùng tay, ông trải đất ra trên tấm ni-lông, san bằng, chà láng, dày chừng năm phân; lại dùng bay, dùng thước cắt ngang, xén dọc từng tấm hình vuông đều đặn tương tự mặt bằng với từng ô uơm thuốc lá... Con ông lại hỏi, cha làm gì nữa đó? Giờ thì không bí mật nữa, cha chuẩn bị đất trồng đó con! Đợi đất khô, xén ra từng tấm, từng tấm, đặt vào lò nung, nung thủ công; nung sao đừng già lửa quá sẽ bị khô cứng, mà cũng đừng non lửa quá, dễ mùn! Địa lan được trồng với chất liệu này, quanh năm chỉ cần tưới nước sạch, nó sẽ phát triển xanh tốt, không cần một loại phân nào khác... Công phu quá, ông con giáo sư nói, phải cần có niềm vui, tâm tĩnh lặng, không còn vướng bận chuyện đời mới làm thế được. Ừ, con nói

đúng! Là cái thú điền viên của người xưa đó con! Người con nói, hóa ra địa lan thích phân ngấm, như dồn tụ phẩm chất vào bên trong, thấm đẫm trong đất rồi nó ăn một lần thôi! Ủ, ông khen - con nói hoàn toàn chính xác, dồn tụ phẩm chất vào bên trong, hay lắm; rồi ăn một lần thôi, hay lắm; ăn nhiều quá, dung tục quá thì còn gì là “an bản lạc đạo” nữa! Người con hiểu, gặt đầu, lắm bầm: Ông già lúc nào cũng triết lý, không độc nhưng cay và sâu... thì ta cũng phải nói năng cho có trọng, có lượng một tí chứ!

Mặc lan Vân Nam lá dài, dày, to... chắc hẳn chồi hoa sẽ đậm dập, mập ú, vươn cao. Nó có cái đẹp riêng của nó. Cái đẹp của một đất nước - phải gọi là đế quốc - quá rộng lớn, đầy kiêu căng, đầy tự hào nền văn hóa dày sâu nhiều ngàn năm của mình nên cái gì cũng to, cũng lớn, cũng vĩ đại... cái gì cũng đại... Họ quý chữ đại! Ngược lại, ở ta, ở cái xứ đầu cứng mà bụng lép này, cái gì cũng bé, cũng nhỏ; mặc lan cổ xưa Huế bé nhỏ, xinh xắn, trông thanh nhã hơn nhiều. Lại còn thơm đậm, bền... Nói cho rôm rang chữ nghĩa một chút: *Nó bàng bạc, khinh diêu và du viễn...* Tuyệt! Mặc lan Vân Nam thô tháo, phàm tục quá; ta sẽ tặng thầy khóm mặc lan sáu chồi quý nhất, cốt cách nhất đất Thần Kinh này! Cứ quyết định vậy đi...

...Đây con, hôm kia, ông nói - lúc cụ Nghè mất, bao nhiêu chậu địa lan quý nhất, ông sai con cháu biếu tặng các ngôi chùa và các bậc cao tăng mà ông quý trọng... Cái thanh khiết phải tặng cho người thanh khiết... Tâm nào cảnh nấy... Chắc con hiểu chứ?

Ông con hiểu quá mà, nên nói, thế khóm mặc lan, công phu và tâm huyết của cha...? Ủ, ông giáo không trả lời mà chỉ cất giọng bùi ngùi: Cái gì quý mới cúng, mới thờ... phải không con? Ông con giáo sư lại một lần nữa không hiểu ẩn ý đằng sau câu chữ...

Lúc sương đã nhẹ hều trên cây lá, đã thoáng rạng giữa mây trời, ông chuẩn bị mọi thứ đầu đó xong xuôi. Hôm nay, lao chao giữa sương mù, có một vài mảng nắng ấm; ông đội mũ, chống

gậy, mang giày thể thao, khóm mặc lan trong xách tay, lên đường. Ông con, giáo sư, thấy vậy hỏi, cha đi đâu, xa lắm à? Chừng mười cây số đường núi, cũng gần thôi, ông đáp, chiều tối hoặc sáng mai, ta sẽ về! Hay là con đi cùng với cha cho vui, ông con nói, con cũng muốn vận động thể thao một chút! Cũng được, con sẽ có dịp thấy tận mắt một loại lan khác - lan này, đặc biệt, có cái hương sắc dịu dàng và tĩnh lặng vô cùng! Lại khó hiểu! Ông già muốn triết lý gì nữa đây! Người con nghĩ thầm.

Thế rồi, cả hai người bắt đầu rời xa xóm làng, men theo chân núi, đi mãi... Nhà cửa thưa thớt dần... Ông bước từng bước dài. Ông con đã hụt hơi. Cha khỏe thật! Ông cười hề hề, ta có khí công và thiên định, con bì sao được. Tuổi trẻ của các con không biết mượn khí của trời đất, cũng không biết sử dụng năng lượng của tâm. Yêu đuối và bạc nhược là căn bệnh của thời đại... Văn minh vật chất cùng các tiện nghi của nó là giúp cho con người ngày càng làm biếng, lười suy nghĩ, khô cứng cảm xúc đi... Thật là tệ hại!

Người con thấy cha chỉ nói đúng hơn một nửa, nhưng không dám nói xen vào. Đi thêm một đoạn, đến cạnh một rừng tre, ông bảo nghỉ để ông con dưỡng cặp cẳng thư sinh. Một lát, ông nói, thiên nhiên, ngoại vật, cái gì cũng có cái đức của nó. Nếu biết nhìn, lắng nghe, chiêm nghiệm... thì dần có học một đời cũng không hết đó con! Vâng, thưa cha, con hiểu! Ừ, tốt, vậy con thử nói đi? Dạ, nhìn núi, ta học được sự an nhiên và vững chãi. Nhìn nước, ta học được sự nhu nhuuyến, mềm dẻo, hoàn cảnh nào cũng trôi chảy, linh động, thích nghi được. Ông cười vui - Đúng vậy! Người con nói tiếp, cố ý phê bình thử - điều con vừa nói, lần này, cũng là tư tưởng cũ, chẳng hề mới mẻ gì! Ông giáo già không giận, nói, tưởng là thế mà không phải thế đâu con, vì cái biết của con là cái biết đang còn thuần túy kiến thức... Xin cha nói rõ hơn. Này nhé, ông nói, học an nhiên, vững chãi, mà con đã từng tu tập cho được an nhiên, vững chãi chưa? Người con ngớ ra! Kiến

thức suông, chưa đủ mà cần phải tu tập, cần phải hành trì; cái biết ấy cần phải biến thành máu huyết, thành đời sống; tri phải có hành, con biết chứ? Rất lâu, người con dè dặt nói, có lẽ cố gắng con cũng làm được, cũng hành được. Ừ, biết vậy là tốt, mà cũng không đơn giản đâu con. Bây giờ, nhìn khóm tre kia, con học được gì? Thừa cha, trúc ruột rồng, tiết thẳng... Dầu hoàn cảnh nào, kẻ sĩ trong đời cũng phải giữ tiết tháo cho ngay thẳng, không cúi lườn, không xu phụ, không nịnh bợ trước bất kỳ một uy lực, một cám dỗ nào... Đúng, đúng, ông gật, đây là tiết thẳng; còn ruột rồng? Dạ, tâm không, ruột rồng là bao dung, rộng lượng, buông xả, không chấp trước điều gì... Ông con chợt ngẫu hứng đọc vài câu cổ thi - *phong lai sơ trúc, phong khứ nhi trúc bất lưu thanh...* Ừ, con đọc sách nhiều, dẫn chứng đâu đó thông thạo cả... lại còn căn bản Hán Nôm, thi phú nữa; nhưng mà này con, ông nói: Nhà sư có trồng một bụi trúc, sáng nào ông cũng uống trà nơi cái chòi lá cạnh bụi trúc ấy... Thế mà, có một lần, ông nói với ta; hơn ba mươi năm, *học cái đức của trúc*, đến gần cuối đời, nhìn trúc ông mới không hổ thẹn... Hơn ba mươi năm, con nhớ đấy! Người con thấy mình lấm tấm đổ mồ hôi hột, sợ hãi... cái “*hành*” này thì quả thật, chàng phải tu tập cả đời!

Núi tiếp núi, chập chùng. Bò bình yên gặm cỏ. Người lác đác gánh củi. Họ lội qua những khe nước đầy, đá rêu trơn... Chốn này ít người qua lại, người con nói: Cha đi thăm thầy, ông thầy nào mà ở xa hút trong rừng sâu thế cha? Ừ, dầu chẳng thâm sơn cùng cốc gì lắm, nhưng cũng tầm tã lìa xa bớt cái hợn hĩnh, cái phù phiếm của chốn quan trường; ẩn trốn được cái ranh ma, cái xảo quyệt quá quắt của con người văn minh đô thị! Ông con nói, ngôn ngữ của cha hôm nay léo lắt như có lửa cháy! Ừ, trời lạnh, có lửa cháy mới ấm chứ con! Biết mình ngại biện, ông cười hì hì rồi tìm chỗ ngồi nghỉ chân cạnh cụm đá tảng nơi triền núi. Cả hai lấy nước ra uống. Cha chưa hề nói chuyện với con về vị thầy này? Thầy ra sao? Là một nhà sư chăng? Ừ, ông gật gù, một lão

sư, cũng bình thường thôi, cả học hành và sở tri đều tâm tâm; nhưng được cái là ông gân guốc, quắc thước, xương kính như tùng, như trúc... Nhân duyên thầy trò như thế nào rứa cha? Cũng chẳng là nhân duyên chi ghê gớm lắm! Hồi xưa, nhà sư và cha là bạn đồng niên, đồng nghiệp...Sau ba mươi năm, gặp lại, qua câu chuyện, ta học được nơi nhà sư rất nhiều điều, ở ngoài sách vở, hoặc cũng từ trong sách vở nhưng ông ta đã tiêu hóa kỹ, rất kỹ!

Họ lại lên đường. Người con nói, cha kể cho con nghe với chứ. Ủ, hôm đó, ta hỏi, đang dạy học ngon lành rứa, buồn chuyện chi mà ông đi tu? Nhà sư cất giọng nhẹ nhàng, nhẹ tợ làn gió xao qua cành liễu: Hóa ra, trong óc ông chỉ có chuyện vui, chuyện buồn mà thôi sao? Cha ngớ ra, lát sau, hỏi tiếp, ông đi tìm cứu cánh tối hậu là giải thoát, niết-bàn, có phải? Niết-bàn, giải thoát ấy ở mô trên mây xanh, nói thử nghe coi? Nhà sư lại cười, ông bạn nói giải thoát, nhưng phải xác định giải thoát là giải thoát cái chi chi mới được chứ? Cha lại bí, bực quá, không hỏi nữa... Mấy năm sau, cái thời mà xã hội bức xúc nhất, quá nhiều chuyện buồn, ta lại bị gây tội bộ lên núi. Nhà sư đãi ta cơm độn khoai và canh rau muống; ôi, ngon quá là ngon. Chúng ta uống nước lá rừng giữa trăng, sao, giữa thiên nhiên bình yên, mát mẻ. Một giấc ngủ ngon, bao nhiêu bực bội dường như tiêu tan cả, nhưng ta cũng nói, cũng hỏi. Đại khái là các giá trị đức lý, những cái phi lý khoác mặt nạ hữu lý, sự quấy lộn giữa các ý thức hệ... vân vân... quần quai quá, quần quá, phiền não quá... vân vân... Ông đi tu là giỏi đấy! Nhà sư ngồi yên lặng, chăm chú, rất chăm chú lắng nghe, thái độ đầy hiểu biết và đầy cảm thông... Sau đó, ông hướng dẫn ta cách ngồi, cách thở... Thế nào là thở của khí công, thế nào là thở của thiên định, thế nào là thở của thiên quán... Nó khác nhau nhiều lắm đó con! Thế phiền não của cha, nhà sư trả lời ra sao? Người con tò mò hỏi, ông nói; thử đó, ta rất bực vì dường như nhà sư giả đò, giả lơ đi, không đáp.

Xế trưa, hừng nắng, ai cũng toát mồ hôi. Con đường mòn

bây giờ lại vắt qua một sườn núi, sâu hun hút... Câu chuyện được tiếp tục, ta muốn nhà sư giúp ta một lời khuyên. Nhà sư nói, chẳng ai khuyên ai được điều gì cả. Sao thế, ta nói, ít ra là cũng giúp giải quyết được một vài bế tắc chứ? Không có, nhà sư nói, giải quyết vấn đề chính là cố tạo thêm vấn đề cho phức tạp hơn! Không đồng ý, ta nói, vậy là cứ để yên như thế sao? Nhà sư lại cười, ông xem: Bên trong, bên ngoài, có cái gì đứng yên được đâu! *Thệ giả như tư phù...* mà! Con ơi! Thế là ta lại thua nhà sư một keo nữa!

Câu chuyện giữa hai người khá là thú vị, tuy ông giáo sư trẻ không ngạc nhiên gì lắm; triết lý, thiền học nào cũng nói về điều ấy; nhưng dường như nhà sư này thò tay chỉ đúng huyệt đạo của ông già mà thôi!

Bây giờ là con đường sâm si lau lách, đá cỏ chen chúc nhau dẫn vào một thung lũng, cây cối tươi xanh như một bài thơ mùa xuân. Tiếng suối chảy róc rách từ khe rãnh hang hốc nào đó dưới thấp; chim và mây và gió chao lượn đâu đó ở trên cao. Hương thông thơm ngát. Không khí như không dính một mảy trần. Con biết không, ông cúi đầu bước đi, tiếp tục; có cái gì đó bình thường, rất bình thường nhưng không phải thế tục, tỏa ra nơi *con-người-nhà-sư* mà ta không nắm bắt được. Có lần, ta hỏi, đức Phật giúp chúng sanh giải thoát phiền não, tôi cậy ông, thế mà ông lại quá hồ hững, tôi chê ông "*bất cận nhân tình*" đấy! Bất chợt, nhà sư cười lớn tiếng: Ông vu oan cho đức Phật rồi; ngài không cứu khổ, cứu nạn, không gỡ phiền não cho ai cả, đích thị ông đã bị kinh sách đầu độc! *Hãy đốt chữ mà tìm xá-lợi đi!* Con à, cha lại lúng túng. Nhà sư nói tiếp, hôm qua, trong giấc ngủ ngon, ông đã tự xả bỏ phiền não rồi; sáng nay, tự ông, ông đã đeo mang nó lại, liên hệ gì đến đức Phật của tôi? Bây giờ thì nuốt lưỡi đi! Người con nghĩ, cái này cũng không mới, là tuệ tri như thực - là tặng phẩm của thiền quán vipassanà đó thôi! Nhưng mà cách nói của nhà sư thì rất đúng bệnh, đúng thuốc!

Con đường được nói rộng, không gian như được mở ra... Sắp tới rồi đó con, nhưng để ta kể tiếp; chiêm nghiệm, ta thấy nhà sư nói đúng, ông không dạy gì cho ta cả, nhưng ông đã xoáy, đã xoáy sâu vào óc não và kiến thức hàn lâm, một thời, đã đóng cục, đóng hờn ở nơi ta! Thế rồi, nó bung vỡ lán lán. Ta thấy ánh sáng lán lán... Lần gặp sau nữa, nhà sư nói: Ông bạn già, hôm nay, có bao nhiêu phiền não, khổ đau trên cuộc đời, ông bạn mang hết ra đây, chúng ta cùng nhau xem mặt mũi nó ra sao, nó như thế nào - mà làm cho thế gian bận lòng đến thế! Con biết không, ta tìm, ta tìm mãi mà chẳng thấy cái phiền não, khổ đau nào cả! Có lẽ nhà sư biết, biết rất rõ, nên ông cười, này, không có gì hết phải không? Đúng vậy, vì tất thấy chúng đều là "*không tính*"! Sung sướng quá, con ơi, ta thức ngộ tức thì. Từ đây, ta coi nhà sư như là bậc thầy vĩ đại nhất của ta! Con thấy đó, bao nhiêu năm nay, ta không còn một mảy may phiền não; nói như kiểu của Nam Tuyền lão sư là ta đã tìm được cái bình thường, *bình thường tâm thị đạo*. Người con im lặng rất lâu. Cái kia cũng chẳng mới mẻ gì, nhà sư lặp lại câu chuyện giữa Đạt Ma và Huệ Khả về cái tâm bất an, nhưng hay và thiết thực ở chỗ là đúng lúc, đúng thời! Người đạt ngộ, sống thiền, họ có thể nói lặp lại nhưng không sống lặp lại. Nhà sư vô danh này cũng là tay khả thủ đây! Ông giáo sư trẻ thâm nghĩ mà không dám nói với cha, nhưng một vài vấn đề tâm linh ở nơi chàng tự dung phơi phơi sáng tỏ...

Một am tranh xơ xác, tiêu điều; một bụi trúc lơ phơ, lá vàng rơi đầy... Người con mon men bước tới... vắng tanh, vắng ngắt... Nhìn chiếc cổng tre hai cánh mở bóm đầy rêu xanh, an nhiên giữa tuyết sương, năm tháng - bất chợt, người con nhớ đến một câu thơ của ai đó: *Cửa sài hai cánh mở, mây trắng bước vào ra, phù sinh chừ rồi việc, rong chơi suốt bốn mùa*... Một cảm xúc vô danh tuôn trào! Ông giáo sư lặng lẽ đến ngồi xuống nơi bàn đá lạnh lẽo... Một tâm hồn cổ xưa nào đó dường như còn lảng vảng xung quanh đây!

Có lẽ nhà sư đã đi du hóa phương xa, con à, bây giờ con hãy phụ ta một tay, trồng khóm mặc lan rồi chung nơi bàn đá này để cho nhà sư đón Tết... Mặc lan Huế u hương, thanh nhã, khinh diêu, du viễn; có nhà sư hay không có nhà sư thì hoa vẫn thanh thản đón xuân...

Lát sau, người cha đứng vòng tay, trầm tư bên chậu mặc lan đã trồng xong. Người con đi quanh... cả một đồi lau trắng, quạnh hiu... Rồi ông bước vào am, thò tay kéo cái “bùng”, lấy thanh tre chống lên. Răng rắc... bụi một bay mịt mù. Ông con nhắm mắt lại một lát. Trông không, nơi này không có người ở đã lâu. Duy nhất, chính giữa nền đất, áp sát phen nứa là một tấm tọa cụ bằng nệm rom đã meo mốc. Một bát nhang hờ hững, xiêu đổ mấy cọng hương...

Người cha bước vào, ba cây hương trên tay... rồi ông quỳ rất lâu, mắt hoe hoe đỏ... Ông con chấp tay đứng lặng, kính ngưỡng một tâm hồn thiên cổ... Ra sân, người con cũng đứng lặng rất lâu, nhìn ngắm bụi trúc duy nhất! *Bụi trúc: Tâm không, tiết trực, một đời học làm người! Khóm mặc lan: U hương sâu kín, một đời học làm người!* Và ông đã hiểu thêm, ở nơi này, một loài lan rừng: *Ẩn mốc, uống sương, cũng một đời học làm người! Tất cả đều có thật.*

Thôi, về con, ra giêng, Tết có nắng ấm, chúng ta lại lên thăm nhà sư, lúc ấy, chắc khóm mặc lan đã tàn hoa, nhưng hương thơm khinh diêu, du viễn vẫn còn... vẫn còn mãi giữa bông bênh khói sương cuộc lữ.

*(Đã đăng Tạp chí Văn nghệ Thứ bảy
và Tạp chí Sông Hương năm 2006)*

Đôi Bạn

Viên toàn quyền người nước Anh cho thủy thủ neo thuyền nơi một bãi vắng; y leo lên một ngọn đồi nhỏ, đưa ống dòm xem khắp một vùng: Nơi này dân cư thật thưa thớt, vài xóm nhà nằm cheo leo bên sườn đồi, lan xuống thung lũng, chạy ra bãi cát. Và cây cối. Và biển xanh. Dãy núi hình rắn lượn trần phía Bắc hòn đảo tạo thành một vùng bình nguyên, nổi lên bên sau là mấy chóp núi đá trắng nhọn mênh mang sương khói... Hồi lâu, viên toàn quyền bước xuống đồi, nói với viên thông ngôn:

- Chẳng có một ngôi chùa nào? Thế sao nơi thư ghi rõ là đảo Hoàng Yến? Đây có phải là đảo Hoàng Yến?

- Đây đúng là đảo Hoàng Yến, thưa ông!

Viên toàn quyền gật đầu.

Đây là mùa xuân, tiết thượng nguyên năm 1868, viên toàn quyền người nước Anh đi tìm bạn. Một người bạn rất thân thuở còn đại học. Dẫu rất thân, nhưng hai người có hai chí hướng khác nhau. Lớn lên, y lao thân vào con đường chính trị, quân sự. Đối với y, chính trị, quân sự là một. Nhà chính trị tài ba cũng đồng thời là nhà quân sự tài ba. César và Napoléon là hai hình ảnh mà y tôn làm thần tượng. Còn bạn y, một nhà ngôn ngữ học thì suốt đời say mê nghiên cứu các loại cổ ngữ Châu Á và phát hiện nền văn minh cổ xưa của các xứ sở này. Sau đó, vì tò mò, ngạc nhiên mà đưa đến đam mê; y dường như dành hết tuổi thanh xuân để tìm cho ra sợi chỉ đỏ xuyên suốt của các giá trị văn hóa, văn minh nhân loại. Trước đây, đã có nhiều cuộc tranh luận giữa hai người - những cuộc tranh luận sôi nổi nhưng không ai chịu nhường ai.

Viên toàn quyền còn nhớ câu kết luận của bạn y cách đây chừng mười năm về trước:

- Thôi! Bạn đi đường bạn, tôi đi đường tôi. Bạn đi tóm râu, tôi đi mở rộng. Bạn đi viễn chinh, râu phục đất đai và biểu tỏ quyền lực; còn tôi, tôi phụng sự văn minh, văn hóa; nổi lại tình người, tạo sự hiểu biết chung; chống quyền lực, chống mọi ý đồ và mọi tham vọng xuẩn ngốc của con người.

Vào những năm sau khi Pháp đổ bộ Đông Dương, bạn y được cử làm trưởng phái đoàn đi nghiên cứu thêm các nền văn hóa giáp ranh Ấn Độ. Trên đường về, tàu gặp nạn, chỉ còn hai người sống sót nhờ ôm được bè gỗ lênh đênh trên biển cả; sau được một chiếc tàu của hoàng gia Anh cứu vớt. Về xứ, y đâm đơn từ chức, viện cớ tuổi già sức yếu; sau đó đem vợ con về quê, lập một ngôi vườn sống đời ẩn dật. Thỉnh thoảng, y nhận được giấy mời của một vài trường đại học nên có đi thuyết giảng đó đây. Y thuyết về nền văn hóa Ấn Độ với một sự thấy biết vô cùng sâu thẳm và mới lạ, đảo lộn những cái nhìn thành kiến của mọi người về một xứ sở man di, lạc hậu. Vắng đi mấy năm không thấy mặt, y trở lại London trong hình tướng một tu sĩ áo vàng, đạo mạo, trang nghiêm, hiền hòa và trầm lặng; y đã lôi cuốn rất nhiều người trong giới trí thức. Hội Phật giáo nơi này được hình thành, chia làm hai ban: Nghiên cứu và thuyết giảng. Ban nghiên cứu phiên dịch các kinh sách cổ sưu tầm được từ các xứ thuộc địa; ban thuyết giảng đi vào các đại học đường cùng các tổ chức văn hóa để nói chuyện về các giá trị tâm linh đã bị loài người bỏ quên!

Viên toàn quyền theo dõi đời sống của bạn, và chợt nghĩ rằng, hai con đường, ai cũng thành công cả! Những kinh sách xuất bản, phát hành được trong hội này, bao giờ y cũng có một cuốn trang trọng để tặng. Y đều có đọc qua, nhưng tự trong thâm tâm, thấy đây là những vấn đề không thực tế, không đem lại áo cơm và hạnh phúc vật chất, không thỏa mãn được khát vọng của

con người! Mà có thể là ngược lại, nó là con đường đưa đến chấm dứt khát vọng, sống đời buồn phiền, tiêu cực của một kẻ chán nản trần gian, đã hết nhựa sống! Và đây cũng là dấu hiệu suy thoái, đưa đến chỗ đói rách, nghèo nàn và lạc hậu! Kính trọng việc làm của bạn, nhưng rốt cùng, y vẫn bất đồng lý tưởng, không thể chấp nhận được những quan điểm lạ đời ấy.

Sau hai năm hoạt động, cơ sở vững mạnh, y trao hội cho một vị giáo sư, từ giã đất Anh lên đường một lần nữa. Lần này y đi biệt, có người cho biết là y đến ẩn tu đâu đó tại các hòn đảo phương Nam Ấn Độ.

Lần nọ, vài bộ lạc miền núi nổi loạn, nhà cầm quyền thuộc địa đem quân đánh dẹp; viên toàn quyền đi xe đến tận nơi, sau khi bắt được vài tên chủ não, y ra lệnh càn quét và bắt giết tất cả thổ dân. Mũi súng lệnh từ tay viên toàn quyền vừa đưa lên cao thì nơi gò đất phía đầu làng xuất hiện một tu sĩ, áo màu sẫm vàng nổi bật giữa nền cây xanh; cánh tay người tu sĩ đưa lên cao:

- Fanny! Fanny! Bạn hãy bắn giết tôi trước khi đụng đến đám dân vô tội này, Fanny! Fanny!

Viên toàn quyền chùn tay lại, buông thông xuống. Fanny là tên thánh của chàng. Vị tu sĩ kia chẳng ai xa lạ mà chính là bạn y, người bạn thân lưu lạc xứ này mà đã biết bao năm y hoài công tìm kiếm.

Quá đổi vui mừng, viên toàn quyền định chạy về phía bạn, nhưng chợt y sững lại; đám thổ dân nổi loạn kia có thể phục kích và giết chàng ở đó.

- Fanny! Fanny! Nếu còn nhớ đến tình bạn của chúng ta thì bạn hãy ra lệnh cho quân triệt thoái. Để bạn khỏi mang tiếng phản bội với tổ quốc, tôi xin hứa cam đoan với bạn là thổ dân sẽ không nổi loạn nữa. Nhưng với điều kiện...

- William! Hãy nói đi!

- Fanny! Bạn ở trên cao bạn không biết gì hết, không thấy gì hết! Tôi không tin là bạn lại có một chính sách bóc lột dân đen

một cách tán tận lương tâm đến thế! Có lẽ đám quan thuộc hạ đã che mờ mắt bạn mất rồi!

Fanny nhíu mày:

- Hãy nói rõ đi, William!

- Thực phẩm của thổ dân ở đây còn tệ hơn đám gia súc của chúng ta. Tôi không dám đòi hỏi cái gì quá đáng cho thổ dân cả - mà chỉ xin bạn ra lệnh cho giảm thuế. Cho người dân ở nơi này được hưởng năm phần mười lợi tức trên đất đai canh tác, năm phần mười lợi tức lâm sản, tám phần mười lợi tức tiểu công nghiệp, và bỏ hẳn thuế đinh...

Viên toàn quyền cau mặt lại:

- William! Thế từ lâu họ ra sao?

- Thuế điền canh, chính quyền bảo hộ của bạn đã “*bóc lột*” hết tám phần mười, lâm sản cũng “*róc*” hết tám phần mười như thế; tiểu công nghiệp thì nhân hậu một chút, là năm phần mười; riêng thuế đinh thì chỉ mới mười, mười hai tuổi - đang còn ở trường và vận khó - đã phải đóng tiền cho các quan văn minh của các bạn ăn chơi xa xỉ!

Viên toàn quyền im lặng giây lâu, nghe tim mình nhói đau, bàng hoàng suy nghĩ: Nếu đây là sự thật thì đau xót biết bao nhiêu? Chúng ta đi khai hóa hay đi bóc lột, róc xương, róc tủy người ta? Thuế má mà nặng nề và phi lý như thế thì thổ dân làm sao sống được? Họ nổi loạn không phải là không có lý do, ngược lại, còn chính đáng nữa! Y không ngờ các quan thuộc địa, thuộc hạ của chàng đã tăng thuế lên một cách kinh khủng như vậy. Trong buổi họp về kinh tế được tổ chức tại dinh toàn quyền, chính y đã phúc trình về bốn quốc đầy đủ các loại thuế. Chàng nhớ không lầm thì dân vùng này đóng thuế điền canh chỉ có hai phần mười lợi tức, lâm sản bốn phần mười lợi tức, tiểu công nghiệp một phần mười lợi tức; và từ mười tám tuổi trở lên bốn mươi lăm tuổi mới đóng thuế đinh - chỉ có tính cách tượng trưng để dễ quản lý! Vậy thì sự đòi hỏi của bạn y quá hợp lý, vì thật ra

thuế ấn định của nhà nước bảo hộ còn nhẹ hơn thế nhiều.

Viên toàn quyền mở lời phân trần với bạn một hồi, y hứa sẽ điều tra tức khắc, trả lại cho thổ dân số quyền lợi mà đáng ra họ được hưởng. Chia tay bạn, viên toàn quyền tức tốc ghé các huyện và tỉnh đường điều tra sự vụ. Y cách chức các quan sở tại, đồng thời ấn định lại số thuế cả toàn vùng; cử phái đoàn thanh tra đi các nơi để giám sát một cách nghiêm ngặt. Thế là thổ dân những vùng này không nổi loạn nữa.

Bạn y lại mất tích.

Một buổi sáng, y nhận được một báo cáo mật, là công an biên phòng vừa bắt được mười tên chính trị phạm, vượt biên giới với đầy đủ tài liệu phản động đang tạm giam và chờ ra tòa đại hình. Tin này làm cho y phấn chấn. Vì đây là lần đầu tiên đối thủ của y đã xuất đầu lộ diện. Hơn ai hết, y hiểu rõ rằng, nhóm chính trị chống đối đang tàng ẩn ở đâu đó, đang mưu toan những thế cớ để lật đổ nền móng cai trị của y. Đối thủ càng cao tay thì sự đương đầu càng thú vị. Bước vào trại giam, y ngạc nhiên xiết bao khi gặp lại William. Cuộc nói chuyện giữa hai người mất khá nhiều thì giờ. William không liên hệ gì đến chính trị, y cùng hai người đồng hành đều là tu sĩ đang vượt núi ra nước ngoài với một số kinh sách; chẳng may đi chung với nhóm bảy người kia, và họ đều là thành phần trí thức ái quốc. Tu sĩ William qua vài lần mạn đàm trao đổi đã thông cảm hoàn cảnh của họ, ngấm ngấm tình nguyện đồng phạm để có cơ hội gặp Fanny may ra cứu gỡ họ được một phần nào. Bạn y lại một lần nữa thành công. Fanny đã nhượng bộ khi thấy rõ hoàn cảnh chủ quan của mình cũng như hoàn cảnh chủ quan của các chính trị phạm. Nếu đặt mình vào hoàn cảnh một công dân yêu nước, bị lệ thuộc, cũng làm thế chứ không khác hơn. Sau đó, y không chọn lựa biện pháp quá khích mà đề nghị một chương trình hợp tác giữa hai dân tộc. Lời của William cứ còn văng vẳng bên tai chàng:

- Tổ quốc bạn là nước Anh, tổ quốc của những bậc thức giả

này là Ấn Độ, tổ quốc của tôi là *con người* viết hoa! Fanny! Bạn là người trí thức, hiểu biết, chắc bạn cũng cảm thông được việc làm của mỗi chúng ta!

Bằng đi một thời gian lâu, không gặp lại William, tình cờ một hôm nhận được thư của William, không ghi địa chỉ, bảo bây giờ y đã định cư giữa một vùng trời nước mênh mông, trên một hòn đảo phương Nam, có tên là đảo Hoàng Yến. Phần nhớ bạn, phần đã hoài nghi con đường chân chính mà mình đang đi, phần là vì y đã tích cực nhúng tay can thiệp chặn đứng những tham quan ô lại, những cuộc áp bức bắt công mà người cai trị đã đổ lên đầu dân thuộc địa - đã đến tai giới chức lãnh đạo ở London. Fanny rời Tân-đê-ly, xuôi Nam, cho du thuyền đi tìm kiếm khắp vùng. Y nóng lòng tìm bạn để nói chuyện, để tâm sự cho khuây khỏa. Y biết cuộc đi này nó quyết định một phần nào đời sống tinh thần của mình.

Dân địa phương chỉ cho y đến một thung lũng nằm khuất sau một ngọn đồi. Ngôi chùa nhỏ nằm giữa rừng cây xanh, suối, chim và ngan ngát mùi hoa đồng cỏ nội. Nơi đây thật u tịch, tâm hồn Fanny lắng lại. Y dừng lại bên chân cầu, dưới tàn cây một lúc lâu, nỗi niềm tâm tưởng xô nhau chảy về không ngớt. Chợt có một người sau khóm cây bước ra:

- Fanny!

- William!

Đôi bạn siết tay nhau rồi ôm nhau mừng rỡ.

Vào chùa, Fanny nhìn cách sống đạm bạc và giản dị của bạn, y nghe lòng quặn thắt, xót xa. William giờ nom có vẻ già lắm nhưng vùng trán hầu như cao hơn, đôi mắt dường như sáng hơn; tất cả nơi William đều biểu hiện một đời sống tinh thần an bình và vững mạnh. Họ dùng cơm trưa với nhau. Thức ăn không có gì ngoài số rau đậu và cây trái trồng được. Món ăn chính là khoai tây và bột mì.

Fanny vừa có vẻ trịnh trọng vừa có vẻ châm biếm nói:

- Cứu cánh của một lý tưởng là một góc núi, rau trái, khoai mì và một mái nhà tranh!

William im lặng, Fanny cười cười tiếp:

- Nhưng là một góc núi không tham vọng, không hận thù; và rau trái, khoai mì... là do bàn tay và mồ hôi đánh đổi một cách chính đáng, lương thiện...

Fanny cười xòa và William cũng cười theo.

Khi hai người dùng chè xanh, Fanny nắm chặt tay bạn, đôi mắt nhìn lên, sáng quắc:

- William! Tôi suy nghĩ lâu lắm rồi trước khi đi tìm bạn: Bạn có lý!

William xúc động:

- Fanny! Bạn nói thật đấy chứ?

Fanny lặng lẽ gật đầu.

Buổi chiều, hai người dẫn nhau đi tản bộ loanh quanh rồi sau đó ra chơi trên bãi biển. Fanny hỏi bạn cho rõ ràng hơn về đời sống, phương tiện và cứu cánh của một người tu Phật. William vỗ vai bạn một cách thân thiết, không nói, cười dịu dàng - đưa mắt nhìn mặt biển mênh mông, xanh, phẳng lặng; những cánh hải âu trắng, điệp màu trời mát hút ở phương xa; sóng vỗ rì rào, gió hiu hiu thổi...

- Fanny! William chợt nói, đôi mắt vẫn không rời mặt biển

- Những vị sa-môn, thầy của tôi, bạn của tôi, có dạy cho tôi một điều thật lạ lùng: *Không có mục đích, không có lý tưởng, không có cứu cánh, Fanny!*

Fanny quay lại:

- *No purpose? No ideal? No end?*

William lắc đầu rất mạnh:

- Không phải không có - theo hai mặt đối lập nhị nguyên, lý tính, logic - như trong khái niệm ngôn ngữ của chúng ta, Fanny!

Fanny không hiểu. William tiếp:

- Bạn không thể hiểu được. Rồi từ từ tôi sẽ nói cho bạn nghe

về tình yêu giáo pháp của đức Phật Cù-đàm.

Khi mặt trăng lên đã cao câu chuyện mới chấm dứt. Fanny bồi hồi trong dạ. Có cái gì đó chột như bùng sáng trong sự nhận thức của y.

William nằm dài trên bãi cát, nói câu kết luận:

- Nếu có một mục đích, một cứu cánh ở phía trước mặt, thì đây rõ ràng là vọng tư, vọng tưởng, bất an, xung đột và khát dục. Nó là nguyên nhân của những cuộc chiến tranh quân sự, chính trị; xung đột quyền lực, xung đột các ý thức hệ, xung đột tôn giáo... Chúng ta hãy suy tư về điều ấy!

Biển đêm, trăng sáng và gió lạnh.

Fanny rùng mình.

- Không cần phải suy tư. Có lẽ tôi đã hiểu...

- Fanny!

Fanny quay lại.

William im lặng nhìn sao trời một lúc.

- Có bao giờ tâm trí bạn trong sáng, vô nhiễm và minh mông như bầu trời? Một bầu trời mùa hạ, cao, xanh và vô tận?

- Bạn muốn nói sự an bình ư?

- Không! Tôi không nói an lạc, an bình, hạnh phúc. Đây là những mỹ từ dễ bị đánh tráo và hiểu lầm; tôi chỉ muốn nói: *Cao, xanh, xanh thẳm, minh mông, trong sáng, bao la, vô tận!*

- Có! William! Có! Một vài phút giây nào đó trong đời lúc tôi bỏ quên chuyện quốc gia, thế sự, danh vọng và quyền lực để lên sân thượng một mình. Nhưng mà hiếm lắm, ít lắm, William ạ!

Tu sĩ William gật đầu:

- Phải rồi! Rất hiếm. Nhưng không phải là không có.

- William! Nhưng bạn muốn nói gì với tôi?

Giọng William như hơi gió thoảng:

- Ở nơi đó! Ở nơi cái minh mông, cao xanh và vô nhiễm ấy, không có khát dục, cạnh tranh, mưu đồ, hận thù và đau khổ!

Fanny rất chăm chú lắng nghe. William tiếp:

- Fanny! Đây chính là phương tiện lẫn cứu cánh của chúng tôi, nói chung, của những tu sĩ học Phật phương Đông. Cứu cánh và phương tiện là một. Không có phương tiện hy sinh cho cứu cánh. Không có cứu cánh biện minh cho phương tiện. *Phương tiện và cứu cánh đều trong sáng, cao xanh và vô nhiễm!* Bạn vẫn còn nghe tôi nói đây chứ, Fanny!

- Tôi nghe rõ lắm.

William trầm giọng:

- Điểm thứ hai, những tu sĩ học Phật như chúng tôi, là những con người ở yên, ở ngoan trong lòng nhiên giới; chứ không phải xâm lăng, chinh phục hay tước đoạt nhiên giới. Nhiên giới là mẹ. Chúng tôi là con, con ở trong lòng mẹ cùng với đất trời, trăng sao, núi non, sông suối, biển xanh và thảo nguyên thanh bình. Chúng tôi tìm về mẹ, nghĩa là tìm về cái cao, xanh, hòa bình và vô nhiễm ấy, Fanny ạ!

Trời đã khuya. Cả hai đứng dậy.

- Vậy thì *thuyết cứu độ*, William! Chẳng phải bạn giương cao tinh thần cứu độ của đạo Phật nên bạn đã đứng về phía thổ dân để đấu tranh, để yêu sách chính quyền bảo hộ phải nhượng bộ?

- Có, Fanny! Đạo Phật có dạy cho chúng tôi con đường cứu độ, tâm từ bi - rộng hơn nghĩa bác ái - và từ thiện xã hội. Nhưng bạn có đồng ý với tôi rằng, việc đó không chỉ có tu sĩ học Phật như chúng tôi mới làm được?

- Phải. Một tu sĩ Hindu, một tu sĩ Thiên chúa giáo, một tu sĩ Hồi giáo, một chiến sĩ ái quốc... cũng có thể có những lý thuyết rất hay về điều ấy; và họ đã làm rất tốt!

- Đúng vậy!

- Còn nữa, Fanny! William nói tiếp - Có bao giờ bạn nghĩ rằng, người cứu độ cách này, phương pháp này thì có người cứu độ kiểu khác, cách thức khác; và ai trong họ cũng đúng theo quan niệm của mình, sở thích của mình, bối cảnh văn hóa và tôn giáo của mình, chẳng ai là sai cả!

- Quả vậy! Fanny gật đầu.
- Và bi kịch chính là ở chỗ ấy, Fanny - khi các lý thuyết cứu độ ấy xung đột nhau!

- Tại sao? Fanny nhăn mày hỏi.
- Vì thường thì các thuyết cứu độ ấy không trung chính, không trong sáng - chúng thường ẩn bên sau nhiều bóng tối lắm!

- Bạn muốn nói đến những quyền lực và những tham vọng?
Họ vừa đi vừa nói chuyện trên đường về. Fanny còn thắc mắc ở trong lòng nhưng William thì cứ im lặng, không chịu nói rõ ràng hơn.

Lùm cây xanh và mái chùa tranh đã hiện ra. Ngọn đèn dầu trong chánh điện soi tù mù hắt qua song cửa một khoảng sáng nhỏ. Họ ngồi nơi chõng tre ngoài hiên.

- Fanny! William chợt sôi nổi và tha thiết nói - Không những là thuyết cứu độ, không những là những việc làm có công ích cho loài người như áo cơm, các văn minh khoa học, kỹ nghệ, vật chất; những triết lý, tư tưởng và những tôn giáo có mặt trên cuộc đời - mà cho chính sự tìm kiếm của bạn, của tôi về một giá trị trường cửu, một nơi an trú hòa bình; hoặc cái mà tôi gọi là cao, xanh, vô nhiễm... Tất cả cái đó - này Fanny! Tôi gọi chúng là những điều kiện tương tác, những duyên khởi và những duyên hệ! Ô! Tôi dùng cách diễn đạt này có lẽ chính xác hơn: Rằng là, tất cả chúng - nhân và duyên có mặt, hiện tồn và phát triển - đều do một nội tâm chưa được yên lặng, do trí tuệ chưa được thấu suốt hoặc do dục vọng thế nào đó... Bạn có đồng ý vậy không?

Fanny suy nghĩ lâu lắm.

- Phải rồi William! Không sai đâu. Chắc hẳn là vậy rồi!

William nắm chặt tay bạn, thì thầm:

- Cảm ơn, cảm ơn Fanny!

Lại yên lặng.

- Tu sĩ đạo Phật chúng tôi còn học được rằng: Cuộc đời này cứ để nguyên đầu vào đấy, đừng tham muốn thêm mà cũng đừng

bất bình muốn bót, đừng tham vọng sẽ như thế này hoặc như thế kia! Cuộc đời này - các xứ sở có nền văn hóa khác nhau, cách sống khác nhau, quan niệm vui khổ khác nhau - cứ để nguyên, để yên như vậy; mọi sự là để mà giác ngộ; giác ngộ để mà thoát khổ, để mà làm việc, để mà sống, để mà hiểu biết và yêu thương lẫn nhau, chứ không phải để bắt tay, thay đổi hay cải tạo theo bất kỳ một chủ trương, một chủ thuyết nào!

- Thế còn triết lý hành động?

- Không có, không có triết lý hành động trong Phật giáo. Vì *triết lý* và *hành động* đều là con đẻ của lý trí suy luận ảo tưởng và câu toàn. Không những nó chia manh xẻ mún thực tại mà còn đem lại sự xung đột, đấu tranh; là phải là, là không phải là: Cái nhị nguyên bi thảm và ngốc nghếch ấy!

Fanny nhăn mặt lại:

- Vậy thì *nhận thức* và *hành động* là *Một*?

- Tạm gọi là Một, nhưng không có cái Một đó, Fanny! *Nhận thức chính là hành động* rồi. *Tri* chính là *hành* rồi! Nói cách khác, chỉ có *Một cái tâm hành động toàn mãn* - đó là cái tâm đã vắng lặng, sáng suốt và an bình!

Hôm sau, khi bắt tay từ giã, Fanny nói:

- Bây giờ tôi mới thấy rõ việc làm của tôi bấy lâu, việc làm của bạn bấy lâu...

- Nó ra sao?

Fanny cười, không nói. Hồi lâu, y thốt:

- Là cái triết lý *Mâyā* của Ấn Độ giáo mà bạn đã giải thích theo quan điểm Phật giáo ở trong một quyển sách...

William hỏi gặng:

- Vậy thì tôi đã giải thích nó ra sao?

Fanny sừng người lại, suy nghĩ rất nhiều, sau rốt y đưa tay vỗ vỗ lên trán:

- Thôi hẹn bạn mấy năm sau nữa nhé!

Ba năm sau, khi Fanny hiểu, y viết một quyển sách, tựa đề là

“*William và con đường cứu độ*”. Sách vừa in xong, Fanny vượt biển tìm William, nhưng vị tu sĩ kia đã không còn ở đây nữa.

Đó là mùa hạ năm Tân Mùi, 1871...

(Đã đăng tạp chí Sông Hương)

Điền Chữ

Người đàn ông ốm xanh, tóc rối bù ngồi trong chiếc giường tối, hai mắt sâu hoắm nhìn bất động một vật gì phía trước. Căn phòng hẹp, trần thấp bằng carton vàng bám đầy bụi; sách vở, bút mực để bừa bộn, linh kinh; tượng Phật Thái màu đồng hun lũng trong khung kiếng dựa lưng cuốn tự điển dày. Bên cạnh, một kệ sách to và dài quá cỡ đóng bằng gỗ tạp được chất lên đủ thứ đủ loại như một tiệm sách phố huyện miền quê. Trên đầu kệ, sát trần, nằm khoanh mấy cuộn giấy tròn, báo chí mọt gián phế thải; hai ống sáo nằm buồn phiền không có bạn tri âm; một khúc trầm hình dáng con cò (*hay con hạc*) đang ngừng đầu nhìn ngơ ngác bức tượng Đạt-ma bên kia tường đối diện được ghép bởi mấy thanh tre đen còn nguyên lá khô; một dấu hỏi to bằng phấn than ôm nửa thân tượng thả dài theo chân tường một cách mệt mỏi rồi kết thúc bằng một dấu chấm đỏ được cắt từ nhãn hương. Đằng sau dấu hỏi, bằng các loại phấn màu, được vẽ nhỏ hơn, nhỏ dần là những dấu hỏi kéo dài đến vô tận. Cửa lớn nhìn ra vườn hoa phô lư thừa mấy bụi tường vi điểm hoa màu hường và trắng khói; năm bảy chậu kiểng đứng ngồi rải rác như vừa từ đâu đó về sau một cuộc tản cư...

Buổi chiều vàng đục, mưa lay bay, gió lất phất. Thịnh thoảng có chiếc xe hơi chạy qua con lộ dẫn vào thành phố. Tiếng máy phóng thanh trên mấy trụ đường vọng lại lúc nhanh, lúc chậm, lúc có vẻ như khí thế bốc cao...

Con chó vàng gầy ốm từ đâu đó chạy về nằm soãi trước cửa,

thè lưỡi, thở; những hạt mưa bụi dính lụa thưa trên lông không đủ ướt.

- Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!

Tiếng người đàn ông từ bên trong vọng ra. Con chó giật mình bỏ chạy. Đến cổng ngoài, nó quay đầu lại, vẫy đuôi, ngơ ngác. Hồi lâu, con chó vàng đứng đờ đẫn đỉnh đi vào, đứng yên, nhìn bơ ngơ qua cửa. Có lẽ là thấy chẳng có gì nguy hiểm, nó lại nằm xuống, thè lưỡi, thở...

- Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!

Con chó vàng lại hồi hả vọt chạy, vòng vào căn nhà bên sau. Gần cánh cửa, bên ảng nước, một người đàn bà trẻ, tóc ngắn, vận chiếc áo cánh bông nội hóa đang giặt áo quần trong chiếc thau nhôm; vòi nước được mở ra từ chiếc bể cạn đầy bằng hai tấm tôle, tiếp giáp là bức tường vôi xám cao ngút mắt. Mây mỏng bàng bạc cả trời. Hình như có tiếng thở dài rất khẽ của thiếu phụ hoặc là tiếng xào xạc của lá bởi luồng gió nhẹ vừa thoảng qua. Thiếu phụ lấy vạt áo dụi mắt, những sợi tóc mai vương rối loạn trên gò má xanh. Con chó vàng đứng đó đã lâu, lặng lẽ, bây giờ nó bước tới lấy đầu dụi dụi bên lưng thiếu phụ.

- Đi ra.

Thiếu phụ quát khẽ, lấy cùi chỏ hất đầu chó rồi đứng dậy, nghiêng chân đá con chó một phát! Chó kêu ăng ăng, ngơ ngác một hồi rồi cong đuôi chạy ra lối cũ.

Một nhà sư trạc ngoài ba mươi, to lớn, da ngăm đen, khoác chiếc y màu hung sẫm, bước vào với những bước dài. Con chó vàng lại thụt lùi vào cửa, gầm gừ...

- Chà! Sư! Thiệt là lâu ngày!

Tiếng nói loáng thoáng niềm vui. Thiếu phụ rửa vội tay rồi đứng lên, nụ cười duyên dáng làm cho đôi má xanh chợt ửng hồng. Nhà sư đứng dựa bên ngoài cánh cửa, bát mang trên vai, mưa lấm tẩm từng hạt bụi trên y. Con chó vàng đưa mũi hửi đôi chân đất lấm bùn của khách lạ.

- Chào chị! Hai cháu đi đâu cả mà không thấy hờ chị?

Thiếu phụ mang ra chiếc ghế đầu đặt dưới hiên, dáng dấp nhanh nhẹn và dịu dàng.

- Các cháu bị bà ngoại bắt cóc hết rồi sư ạ! Tiếng nói, hơi thở, ánh mắt của thiếu phụ như xoắn vào nhau - Mời sư ngồi. Ngồi tạm đây một chút cái đã! Chà! Bà nói, bọn bây có nuôi nôi cháu tao không, nhà quê *com liền kiềng, cá lan can* mà còn có chất cám, chất đạm, bảo đảm sẵn thịt, chắc xương đó nghe! Thiếu phụ cười nhỏ - À, nhà sư đi đâu mà chẳng có đủ, có áo chi hết tron hết trội vậy?

Nhà sư ngồi xuống ghế, tháo bát đũa trên chân, tiếng nói ồm ồm như lệnh võ:

- Anh Hạc trở bệnh bao lâu rồi chị?

- Dạ, đâu chừng mười hôm - Thiếu phụ thở ra, ngồi ghé nơi bực cửa, mắt nhìn ra xa. Một cây đầy hoa tím đong đưa đầu ngõ. Con chó nằm lặng lẽ bên chân - Từ hồi năm ngoái tưởng đâu là lành hẳn luôn, ai ngờ!

Tiếng máy phóng thanh từ ngoài đường vọng lại... *bội thu, năng suất, vượt kế hoạch, vượt chỉ tiêu...* Một cơn gió gờ hai ba chiếc lá vàng ném xuống sân trước. Hai con chim mỏ đỏ sà xuống vườn hoa. Thiếu phụ ngồi ôm gối. Hình như trên mặt nàng có rây một lớp bụi thời gian, vàng xanh và mệm mõi...

- *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

Tiếng người đàn ông lại vọng ra, rõ mồn một.

- Đó, đó! Thiếu phụ nhìn nhà sư - Chẳng biết cái cục đá nào mà ảnh đòi quăng miết!

Nhà sư nhú mày. Có tiếng gà gáy ở xa xa, tiếng xe động cơ nổ rồi sau đó, tiếng chuông nhà thờ đổ hồi. Mưa lay bay, trời mát dịu.

- Anh Hạc có nhớ chi không chị?

Có cái gì long lanh trong mắt của người thiếu phụ.

- Hôm bà ngoại lên, thiệt lâu ảnh mới nhớ. Má, má, quăng

cục đá ra ngoài!

Thiếu phụ cười khẽ, man mác, xoa xoa hai cánh tay để trần, gầy guộc trắng.

- Máy lúc này sư ở đâu?

- Dạ, lúc này ít đi đâu được. Từ hồi về quê đến giờ chỉ có việc cuốc đất trồng khoai, khoai; lại có phụ thêm cái nghề thầy thuốc, châm cứu và trồng thuốc nam. Bệnh nhân họ quần bên chân chị ạ. Vả lại, giấy tờ, xe cộ...

- Dạ, hèn gì lúc này trông sư như một ông lực điền, hồi xưa nho nhã...

Nhà sư cười dòn:

- Tôi mà nho nhã... Hồi ở Đại học Vạn Hạnh, quý vị đã không chọc ghẹo tôi là ông nhà quê một cục, một hòn đó sao?

Thiếu phụ cũng cười:

- Nhưng sư được mọi người tin cậy. Kính mến và tin cậy. Ngay chính anh Hạc, ảnh điền vì chữ nghĩa, nhưng hễ cứ gặp sư, ảnh lại tỉnh.

- Tỉnh chút ít rửa thôi! Nhà sư lắc đầu - cái bệnh ấy... khó lắm!

- Ảnh nói - Một câu hỏi, không giải mã được, đã điền rồi, hướng hồ lại trùng trùng câu hỏi. Ôi, nhức cái đầu quá, nhức cái đầu quá!

- Tôi hiểu, tôi biết! Nhà sư gật gật nhẹ.

- Anh Hạc nói, quãng được một cục, cuộc đời lại nhét vô thêm hai cục, ba cục... Giải quyết được một câu hỏi, cuộc đời lại trồng thêm trăm câu hỏi, ngàn câu hỏi...

- Tôi hiểu, tôi biết!

Nhà sư lại đáp như cái máy, nhưng bây giờ lại có vẻ dăm chiêu, ba vệt nhăn cắt ngang vầng trán thấp. Có người khoác toi bị thập thò bên ngoài cánh cửa, con chó vàng chồm ra, sủa inh ỏi.

- *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

Nhà sư nói:

- Chị cho phép tôi lên thăm Hạc...

- Sư có việc gì đâu mà vội. Một thân, một mình. Biết vậy, hồi xưa tôi cũng đi tu quách, giải thoát cái sự đời!

- Hồi xưa, ai cũng nói hồi xưa! Nhà sư cười thành tiếng - Hồi xưa thì ai cũng dại, hồi nay thì ai cũng khôn!

Thiếu phụ nói như nguýt sau đuôi mắt:

- Thôi mà sư, nhạo chi tội!

- Ai cũng nói, giá mình được bắt đầu lại, giá mình được chọn lựa lại, chị có thấy như thế không?

- Dạ, thấy chứ, thấy mà cũng chịu. Lỡ rồi!

- Mà ví dầu có chọn lựa lại thì một lúc nào đó, người ta cũng nói rằng, không, như vậy là không được, phải bắt đầu lại, phải lựa chọn lại nữa. Hóa ra ai cũng có hai, ba cuộc đời chứ không phải một!

Nhà sư nói như có nụ cười trong ánh mắt.

- Dạ! Nếu hồi xưa ai mà nói vậy chắc tôi không tin. Tưởng rằng nó sẽ khác đi!

Giọng thiếu phụ như cơn gió heo may, thoáng lạnh rồi xa...

Im lặng.

- Thế ra chị vẫn còn băn khoăn về cái gọi là mệnh số đời người! Lẽ ra chị phải thấy rồi chứ!

Thiếu phụ ra chiều tư lự, nhìn mấy ngón chân gầy xanh, sau đó, xoè bàn tay ra, nhìn những đường vân số giăng mắc chỉ chút như mạng nhện rồi khẽ nắm lại.

- Thôi thì cứ sống vậy, ngơ ngơ ngác ngác mà sống chứ không còn biết thế nào nữa cả. *Sự trực nhãn tiền quá, lão tông đầu thượng lai!*

Thiếu phụ cười. Nhà sư cũng cười:

- Cử nhân văn khoa có khác!

Nhà sư đứng dậy:

- Một năm thì có bốn mùa, thời tiết theo đó mà thay đổi, thay đổi nào cũng tự nhiên và hợp lý. Đời người gấm ra rồi cũng vậy. Chị nên để ý đến sức khỏe, cho Hạc và cho mấy cháu.

- Dạ!

- *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

Nhà sư bước lên nhà trên. Thiếu phụ đi vào bếp.

Trong phòng, người đàn ông ngồi trong tư thế đầu cúi xuống, hai cánh tay bỏ thông, tóc rũ che nửa khuôn mặt. Nhà sư đặt bát lên bàn rồi mở tung tất cả các cánh cửa, đến ngồi bên cạnh người đàn ông, ôm vai y, yên lặng. Tiếng con thạch sùng chắt lưỡi trong hóc tường.

- Anh Hạc! Anh Hạc!

Nhà sư cất giọng lớn, lay gọi. Hồi lâu, người đàn ông ngừng đầu lên, nhìn, đôi mắt vô hồn.

- Hạc! Hạc! Y lấp bắp rồi vùng nắm tay về phía trước: *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

Nhà sư khẽ thở dài, vuốt lại mái tóc cho người đàn ông; lát sau, đi về phía bàn viết, vô tình lật tới lật lui mấy quyển sách trên bàn phủ đầy bụi. Một trang giấy rời chợt rớt ra. Nhà sư lượm lên, đôi mắt nhìn đắm vào đó.

Nhà sư kéo ghế ngồi. Ở nơi trang giấy thứ nhất có hàng chữ viết bằng bút nguyên tử đỏ: “*Làm thế nào để quăng cục đá ấy ra ngoài thế giới???*” Trang giấy thứ hai được chép bằng mực đen, chữ nguệch ngoạc như gà bươi, như sau:

-“ Tại sao cái ách trên cổ trâu?

Tại sao con ngựa lại đóng móng chân, đeo hàm thiếc?

Tại sao người ta lại xua đuổi đàn cừu vào thảo nguyên?

Tại sao Chúa bị đóng đinh? Cứu chuộc loài người hay bị loài người cứu chuộc?

Tại sao đức Phật thuyết pháp bằng chữ, bằng lời? Lại nói về cái gọi là như chân như thực?

- Nếu như thực là như thực thì xin thưa với Đức Như Lai Thế Tôn rằng, tại làm sao thằng cha họa sĩ Văn Hữu Đá kia lại vẽ cục đá có rêu trong mấy bức tranh thủy mặc lảm ca lảm cẩm của hắn? Cái đó là như thực hay không như thực? Và, tại làm sao mà trong

cối lòng đen đúa nặng nề hôi hám cầu xí chuồng phân của đệ tử lại nhiều cục đá lấm vẩy, quăng hoài nó không hết? Vậy thì cục đá của họa sĩ Đá, cục đá trong bài thơ của nhà sư tu hú và cả cái đồng đá nguyên xi không rêu của đệ tử, là một chẳng? Là không một chẳng? Quăng cục đá ra ngoài!”

Ở nơi góc cuối là bức tranh một cục đá với mấy nét phác thảo bằng mực tàu, dưới có chừa mấy hàng chữ:

- “Đá không rêu, nghĩa là: Đá nguyên xi, đá niết-bàn, đá bồn lai diện mục, đá nhất nguyên, đá tuyệt đối, đá chân như... Đá có rêu, nghĩa là: Đá suối khe, đá trầm luân, đá sinh tử, đá tục lụy... Và do đó: Đá đả đảo, đá đùng đùng, đá đứ đờn, đá đong đưa, đá đổng đánh, đá đả đốt, đá điền đầu, đá đấm đuôi, đá điền đảo, đá điều đứng, đá đông đoài, đá đông độ... Tại sao đá? Ai là đá, ngàn năm sau sẽ hiểu! Quăng cục đá ra ngoài!”

Nhà sư bỏ tờ giấy xuống bàn, bản thân nghĩ ngợi...

Một người đàn ông đội chiếc nón gang rộng vành, vai mang một chiếc dây to, bước ào vào cửa cuốn theo một làn hơi lạnh.

- Họa sĩ Văn Hữu Đá! Nhà sư reo nho nhỏ.

- A, trời đất, đại huynh! Y quăng cái nón vào góc, bỏ dây xuống bên chân, tháo áo mưa mặc lên giá, hai tay vuốt vuốt mái tóc - Đệ vừa ở rừng về, trời ơi, chúng đệ vừa lập xong một thảo am thơ mộng, cạnh một dòng suối thơ mộng, những gốc cổ thụ bám đầy phong lan và rêu xanh thơ mộng. Thơ mộng và thiên cổ. Đệ có bảo thằng đệ-tứ-tà vân hành xuống nội kiếm đại huynh; thứ nhất là báo cáo công trình một đời, hai là xin đại huynh bố thí xăng nhớt. Ai ngờ đại huynh lại vào đây. Kẻ rừng xuống nội, kẻ nội vào thành. Đi lạc lung tung, vui dữ!

- *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

- Quăng đi đâu được - Văn Hữu Đá nói - Ông mà có quăng, có vứt, thì cái quăng, cái vứt ấy cũng là cục đá đó thôi!

Họa sĩ kéo ghế ngồi. Nhà sư nhìn người bạn vong niên: Y không thay đổi gì nhiều, chỉ có tóc và râu là dài hơn thường lệ;

một chút an ổn, thoải mái toát ra nơi đáng ngồi hờ hững, nơi đôi mắt sáng và nụ cười đầy tự tin.

- Bạn có biết là Hạc trở bệnh chứ?
- Biết, có biết từ tuần trước!
- Thế họa phẩm lớn đến đâu rồi?
- Rồi, xong rồi!

Họa sĩ quăng gói thuốc Hậu Giang lên bàn, móc ở túi áo trên một điều thuốc 555, mời:

- Đại huynh hút?
- Cảm ơn, bạn cứ tự nhiên.

Họa sĩ cười, châm lửa, hít một hơi sâu và không thở khói ra, khói đã mất tích đâu đó trong buồng phổi của hắn. Họa sĩ lim dim mắt, ngón tay gõ gõ lên bàn, lại vuốt tóc. Chợt y đứng bật dậy, lôi bên trong đây ra một cuộn giấy, trải ra bàn, giọng háo hức, dồn dập:

- Nếu nghệ thuật trong cõi sơ huyền chỉ có một mảnh trăng non duy nhất, thì nghệ thuật của thời khuyết nguyệt cũng chỉ có một mảnh trăng non duy nhất. Giữa khép mở của hai cực tạo nên mỗi khúc liệt trần gian - là vì con người không nhìn thấy sự bất động duy nhiên giữa mọi hiện tượng, của mọi hữu tồn cá biệt. Cái cao tột và thâm viễn của nghệ thuật là phải đẩy tâm thức người thưởng ngoạn vào cõi sơ khai, huyền tính; ở đó là điểm bất động của không thời gian - khi chưa phân ly, chưa thoái hóa và xung đột. Phân ly, thoái hóa, xung đột bắt đầu từ khi nó từ chối sơ huyền để tìm về khuyết nguyệt. *Giải thoát, chính là ở cái sát-na kỳ ngộ ấy, khi mình nhìn ra cái nguyên thủy của mình, cái quê hương mà mình thường trực chối từ!*

Họa sĩ Văn Hữu Đá nói một hơi rồi đưa tay chỉ bức tranh:

- Đại huynh coi! Tác phẩm này là duy nhất và tối thượng, nó vượt bỏ mười ngàn năm nghệ thuật thế giới, vượt bỏ mười ngàn trường phái cổ kim... hề, hề! Đại huynh thấy chưa? Hề, hề! Giây phút này chính là giây phút gặp gỡ của vô cực! Hề, hề! Một triệu

ngôi sao đã vỡ giữa trời cao! Hề, hề! Thế giới này sẽ tịch diệt khi họa phẩm thiên tài này ra đời, hà, hà!

Hoạ sĩ cười sảng khoái, bộ râu mép lưa thưa không ngừng nhúc nhích, đôi mắt y nheo lại sau làn khói thuốc. Nhà sư đứng dậy nhìn bức tranh, lâu lắm, không nói gì!

- *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

- Quăng đi đâu được - Họa sĩ nói - cục đá là cục đá thôi. Thế nào đại huynh? Có phải thiên cổ không?

- Thiên cổ!

- Hay! Phải thế chứ!

- Nhưng mà...

- Ô, đại huynh cứ nói, cứ phê, cứ tuốt luốt, cứ thẳng đuột...

- À, thì tôi nói, tác phẩm của bạn trông na ná tác phẩm của Hạc, không khác gì!

Nhà sư lấy trang giấy có mấy nét phác thảo cục đá của Hạc cho hoạ sĩ xem. Y la lên:

- A, kỳ không! Trong cơn điên, Hạc mới tỏ lộ được thiên tài. Còn đệ, đệ có thể đạt được nó với cái tâm bình thường. Bình thường thức, bình thường ý, bình thường cọ, ghê không!

Nhà sư cất giọng chậm rãi:

- Tôi bây giờ đã thật sự hủ lậu và quê mùa rồi, không còn kham nổi ngôn ngữ thiên tài của bạn nữa. Nói cụ thể, và là cái cần nói hôm nay, là về cục đá, cũng là căn bệnh của Hạc. Tôi có nghiên cứu về tâm lý, y thuật, tôi biết, Hạc trở bệnh nặng, nó có liên hệ từ tác phẩm đá của bạn đấy!

- A! Đúng là lời buộc tội ghê gớm!

- Không ghê gớm lắm đâu, vì đó là sự thực. Cái cục đá như thực, không rêu của Hạc và cục đá như thực, không rêu của bạn lẽ nào là sự ngẫu nhiên!

Hoạ sĩ có vẻ trầm ngâm, y với tay lấy gói thuốc Hậu Giang, hút rồi nhả khói mù mịt.

- Ô, có lẽ có. Đệ và Hạc quả là đã tranh luận với nhau không

phải chỉ vài ba lần. Mà mãi, luôn luôn, về cái như thực ấy, về cái *bổn lai diện mục* ấy!

Im lặng khá lâu giữa hai người.

Thiếu phụ bung khay trà lên. Trà Mai Hạc có hãm bông tường vi, thơm nhẹ và ấm cúng.

Họa sĩ chột tăng hắng, đọc:

-“ Cục đá trong lòng ù lì, tráo trở

Cục đá bên ngoài rêu xanh mấy độ

Nặng trầm luân, sinh tử đã ngàn năm

Biết bao giờ hóa ngọc, thành trăng! ”

Rồi nói: Thế còn cục đá của đại huynh trong bài thơ ấy phải giải thích làm sao, hử?

Nhà sư cười nhẹ:

- Ủ, phải rồi, cũng được! Chính những cục đá ấy - những cục đá bên trong và bên ngoài thế giới - những cục đá giữa chúng ta...

Họa sĩ cười sảng khoái:

- Tốt! Y búng ngón tay một cái tróc - Luận đề về cục đá, luận án cục đá, hay lắm!

- Bạn đừng nhạo tôi!

- Không dám!

Hạc trên giường chột bước xuống, đứng dậy đi mấy bước, vung nắm tay về phía trước, đồng dặc:

- *Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!*

Họa sĩ nhại theo:

- Vứt thẳng Đá ra ngoài! Vứt thẳng Đá ra ngoài! Chi được! Vứt thẳng này ra ngoài thì trái đất tan thành bảy mảnh còn gì!

Thiếu phụ chạy tới dìu Hạc ngồi chỗ cũ, lấy thuốc trên bàn mời cho y một điếu. Hạc thở khói với đôi mắt lơ dờ. Trời vàng tối hắt bóng đêm vào phòng. Thiếu phụ bật đèn.

Nhà sư đặt bức tranh trước mặt họa sĩ:

- Bây giờ bạn hãy nhìn lại bức tranh của mình, bạn thấy gì?

- Thấy cái chân không - Họa sĩ nói, không cần nhìn - giả tí

còn để lại khái niệm thì chỉ là một tảng đá không rêu, một vật thể đúng nghĩa nguyên thủy. Và ban sơ!

- Ô, đúng lắm! Và như vậy có nghĩa là gì?

- Than ôi! Chẳng có nghĩa lý gì ráo trọi!

- Có đẹp không?

- Than ôi! Nếu nói đẹp thì hoá ra xúc phạm nghệ thuật quá đi.

Nhà sư gật đầu:

- Đây là điều mà bạn bảo là duy nhất và tối thượng, là vượt bỏ mười ngàn năm nghệ thuật thế giới, là mấy triệu ngôi sao đã vỡ giữa trời cao! Ôi! Và đây cũng là *điểm cùng đích tuyệt vời của nghệ thuật, đạt cái bốn lai diện mục của vật thể, cái ừ lì nguyên sơ chưa sinh hóa!*

- Không chối cãi!

Họa sĩ đứng lên rồi lại ngồi xuống. Nhà sư nhìn đắm vào mắt bạn:

- Đây là lần mức cuối cùng mà nghệ thuật phải tự hủy chính mình để nhảy vào thái hư. Hình tượng trên tác phẩm cuối cùng của bạn chứng tỏ gì? Chứng tỏ nghệ thuật đã chết!

- Phải rồi, không sai được!

- Và khi ấy, ta có còn gọi là nghệ thuật nữa chẳng?

- Chẳng thể. Cáo chung!

Nhà sư chậm rãi nói:

- Bạn đừng mong rằng nghệ thuật là để diễn đạt tư tưởng, nhất là tư tưởng kiêu kỳ và thâm viển của bạn. Tư tưởng muôn đời là cái tranh chấp, xung đột và ly tán. Nghệ thuật là cái đẹp vô biên giới, ở ngoài khách quan và chủ quan, chỉ để nhìn ngắm và cảm nhận vô ngôn. *Tư tưởng là lý trí và tế bào não. Nghệ thuật là con tim và cảm xúc.* Và hết. Nên tách lìa tư tưởng và nghệ thuật, vì dầu sao, chúng có hai giá trị tương biệt.

- Đệ hiểu chứ - họa sĩ nói - tuy quan niệm về nghệ thuật của đại huynh hơi cổ lỗ sĩ, đã lạc hậu rồi; nhưng tuyệt đối tư tưởng không giải quyết được gì cho thế gian và thế giới. Chỉ là trò hý

lộng mơ màng và lênh đênh. Là cuộc chơi hào hùng lê thê và buốt giá. Là tiếng cười cao đại và hoảng viễn của hư vô và ngu si! Khán giả đã ra về hết rồi, hãy hạ màn đi thôi, tư tưởng ạ!

Nhà sư nhíu mày:

- Nữa! Lại võ đoán và quy chụp! Tư tưởng có cái xấu, cái tốt! Sao bạn cứ mãi chơi cái trò *điên chữ* ấy?

- Phải, *điên chữ*, đại huynh nói đúng! Vì ở đâu, lúc nào cũng gặp những cục đá ù lì đáng ghét. Cái tội sống trong thế giới vật chất đầy lông lá tiền sử đó mà!

- Tôi hiểu. Tôi biết - Rồi nhà sư nói khá nhiều, trong giọng nói hình như có sóng biển khơi mùa hạ, tiếng con gió phiêu lãng thổi qua hàng phi lao, tiếng còi tàu rúc lên từ các ga khói mù thiên lý - Bạn ạ! Từ lâu, Hạc bị vây bủa trong những câu hỏi mà chưa bao giờ Hạc hy vọng giải đáp nổi. Hạc bị tổn thương trầm trọng từ những như thực oái ăm và thống khổ của trần gian. Hạc đồng ý tất cả với bạn về những cục đá bên trong và bên ngoài thế giới. Tất cả, tất cả, Hạc chấp nhận như tiên thiên, nhưng mà, tự nơi con người trong sạch và hiền lương của Hạc không ngừng kêu réo, bất lực trước sự nô lệ mà con người tự tròng lên đầu lên cổ mình và tha nhân, ngoại vật. *Tại sao cái ách trên cổ trâu? Tại sao con ngựa phải bị đóng móng chân và đeo hàm thiếc?* Ai là kẻ cưỡng đoạt thể gian, thế giới để phụng sự cho những mục đích xuân ngọc nào đó của mình? Tại sao lại có các quan niệm hạnh phúc, hạnh phúc theo quan điểm của tôi chứ không phải quan điểm hạnh phúc của anh? *Tại sao lại xua đuổi đàn cừu vào thảo nguyên?* Mọi lý do, mọi nguyên nhân tôn quý và thánh thiện không lấp đầy những khốn nạn chung cùng. Điều này có lẽ bạn hiểu rõ hơn tôi. Nếu đây cũng là như thực thì mĩa mai và chua xót cho chúng ta biết bao nhiêu? Những bất công của trời đất, những nọc độc của rắn, những móng vuốt của chó sói - cũng trở thành như thực mất rồi! Hoảng hôn của mọi giá trị đã bao phủ thế lương lên nghĩa địa này, hoang mộ này; sóng ngầm đã vỗ tự lòng

sâu của quả đất, sự hủy diệt nay mai của con người đã ứng trên những điềm triệu, mà than ôi, chúng ta đều là kẻ thấy trước. Thấy trước và bất lực một cách yếu hèn. Hạc bất lực trong cơn điên thâm lặng. Còn bạn thì đi tìm giải thoát trong tác phẩm đá của mình. Nhảy vào tác phẩm và tìm một vài phút giây kênh kiệu, tự mãn là cứu chuộc thế giới rộng không và bất toàn này!?

- Ôi, quả thật là hư vô! Đại huynh thăm thía cái hư vô còn hơn cả đệ và Hạc nữa!

Nhà sư giọng chùng xuống:

- Tôi là một nhà sư tầm thường, dẫu các bạn nhạo tôi là *tu tu hú*, nhưng tôi biết chắc, tôi không bỏ cuộc, không đầu hàng hư vô. Dẫu chỉ còn một chút hơi thở và sự sống, tôi cũng gieo một hạt cải, trồng một cây táo; và nhất là biết sống như thực với lòng mình, không giả vờ, không che giấu, không nguy trang bất kỳ một nhãn mác nào! Cuối cùng nữa, là không để cho những ngã ái, ngã kiến, những cục đá kiên cố, tro mốc, ù lì, nặng nề thường làm cho chúng ta nghiêng lệch cán cân trung hòa tâm nội. Cục đá trong bài thơ của tôi là như thế.

Họa sĩ Văn Hữu Đá thở dài:

- Thôi, hạ màn tất cả những vai diễn, đệ sẽ đốt tất cả tác phẩm, về rừng cuộc núi làm rầy chơi...

Căn phòng chợt yên lặng. Tiếng phóng thanh lại nổi lên... tăng gia, sản xuất, đánh thắng đói nghèo... Gió thổi vù vù qua cửa, hình như mang theo rất nhiều lá khô... Thiếu phụ khẽ thở dài.

Người đàn ông cất giọng đồng dục:

- Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!

*Huyền Không, Hải Vân, Lăng Cô - 1977
(Truyện ngắn hay năm 2007
Tạp chí Văn nghệ Thứ bảy, Phụ bản Tết Mậu Tý)*

Mù Sương

Năm học lớp sáu, lần đầu tiên tôi được đến chùa.

Chiếc xích-lô bỏ mẹ tôi và tôi phía trước con đường nhỏ, nhìn vào bên trong thấy sâu hun hút. Đi bộ một quãng, bước qua cổng tam quan đồ sộ là chiếc sân rộng với nhiều gốc cây cổ thụ. Sân vắng người. Một con chó to và mập từ bên trong chạy ra cong đuôi sủa. Một cô ni đơn đả bước ra chào hỏi rồi dẫn mẹ tôi và tôi đến dãy nhà lớn. Mẹ bảo tôi bỏ dép rồi bước lên những bậc cấp cao. Nơi căn phòng đầu tiên, vị sư tuổi ngoài ba mươi, người tầm thước, da láng lẩy, khuôn mặt hiền từ, vài lời xã giao với mẹ tôi rồi lại dẫn đến một căn phòng khác. Tôi thấy vị sư cũng như mẹ tôi quý xuống lạy một vị hòa thượng to lớn, đầy đà có lẽ là đau ốm nên nằm trên chiếc võng xanh. Tôi nấp bên sau lẩm lét nhìn.

- Lạy ngài cho có phúc con!

Tôi đang lúng túng thì mẹ tôi đã kéo tôi đến trước mặt hòa thượng, bảo tôi quỳ lạy. Tôi cúi xuống, “*cuốc*” năm sáu “*cuốc*”. Nghe tiếng cười của cả mấy người, tôi đỏ bừng mặt, bỏ chạy ra ngoài. Câu chuyện giữa họ tôi không hề để ý. Lát sau, từ dưới đi lên mấy vị sư to lớn, bệ vệ, nghiêm trang - sau lưng là một ông già râu bạc, đóng bộ veston quý phái cùng các bà, các cô ăn mặc lụa là, trang điểm kim cương, hột xoàn gì gì đó trông rất sang trọng. Căn phòng với những tiếng nói vừa đủ nghe. Tôi rón rén từng bước rồi vụt chạy xuống dưới...

Đến trước căn nhà to lớn nhất, tôi thấy ông Phật vàng ngồi trên tòa sen cao, xung quanh gần những bóng đèn li ti xanh đỏ. Hoa giấy, hoa ni lông, hoa vải rực rỡ, vui tươi khoe màu, khoe

sắc... Những cây nhang to không thấy khói mà cứ cháy đỏ rất lạ lùng. Tiếng tụng kinh không biết phát ra từ đâu mà cứ đều đều, đều đều tuôn ra không ngớt. Tôi nhìn quanh, không thấy có ai, mon men bước trên nền nhà trơn chảy mỡ, dòm những bức tranh màu trên tường - có những con người da hồng hào đẹp đẽ như tiên như ngọc. Một con ngựa đeo đầy châu báu, người cũng đeo đầy châu báu, sau đuôi bám theo một người nữa - bay qua một con sông lặng lẽ, xanh, nổi bật giữa nền trời ửng hồng. Kia là một vị hoàng tử phong lưu anh tuấn cầm gươm vàng đưa lên như có ý cắt tóc mình. Và đây là một chú bé mũm mĩm, kháu khỉnh đang ngồi lim dim như ông Phật con. Thấy thì hay, vui, lạ mắt nhưng coi một lúc thì chán; tôi lên ra bên sau thì thấy một dãy nhà ngói dài hun hút. Phòng này nối tiếp phòng kia, và ôi chao ôi, sư đâu mà nhiều lắm thế. Cứ mỗi phòng như vậy là vài ba vị. Mỗi người đang làm những công việc riêng. Người thì đang phơi y. Người thì đang ngồi viết gì đó bên trong cửa sổ. Người thì đang cạo râu, đọc sách, uống trà... thỉnh thoảng văng ra những tiếng nói cười...

Tôi thở một hơi dài nhẹ nhõm. Đi quanh ra bên sau nữa là một khu vườn um tùm cây xanh. Tôi đi thơ thẩn một hồi dòm những cây ăn trái như chuối, cam, đu đủ... những thân thụ to nở đầy hoa vàng. Sau khu vườn cũng có một dãy nhà nữa, có rất nhiều vị sư lớn tuổi ở nên có vẻ yên tĩnh, trang nghiêm hơn. Hướng về bên trái tôi chợt thấy hai con sóc đang rượt nhau, xòe cái lông đuôi rất đẹp. Vui quá, tôi đưa mắt nhìn chúng. Một con chợt chạy xuống theo cành cây, đưa mắt nhìn tôi rồi nhích nhích cái đầu có vẻ tinh nghịch. Con kia cũng chạy xuống, công đuôi rồi lại chạy lên. Tôi cúi xuống, ngoái tay ra sau cầm một cục đá, nhắm vào một con, ném mạnh. Tầm kiếng ở nơi nào đó nghe “choang” một tiếng. Tôi định co giò chạy thì nghe một tiếng nói nhỏ nhẹ từ sau lùm cây:

- Em đừng chạy mà vấp té!

Tôi quay lại. Một vị sư nhỏ người nhỏ nhắn, nước da trắng

xanh, tay cầm quyển sách bước ra với nụ cười hiền lành. Tôi thấy hơi vững dạ. Vị sư đến nắm tay tôi:

- Tấm kiếng ấy đã vỡ rồi, vỡ thêm chút nữa cũng không sao!

Tôi theo chân vị sư lách mình ra khỏi lùm cây. Cuối vườn có một căn phòng nhỏ, cũ kỹ, tường vôi tróc lở. Viên đá của tôi còn là chứng tích nằm vô duyên giữa nền đất. Tôi không dám nhìn lên khung kiếng vỡ. Vị sư cười, mở cửa, phòng tối và thấp. Bên phải là chiếc giường sắt, mùng màn treo lủng lẳng. Bên trái là chiếc bàn viết bằng gỗ tạp nhìn ra cửa sổ có hai cành liễu đong đưa dịu dàng. Cạnh là một kệ sách lớn, nằm dài dọc theo tường. Vị sư lấy một chiếc chiếu trải ra giữa nền xi-măng đã tróc nhiều chỗ, lấy từ cái bát đen đem cho tôi hai trái chuối, mấy viên kẹo và bánh...

- Em ngồi đó và ăn đi, đừng ngại!

Vị sư vuốt tóc tôi:

- Em học lớp mấy rồi?

Tôi đáp lí nhí:

- Dạ thưa, lớp sáu ạ!

- Vậy là em học giỏi. Hồi xưa tôi học đệ thất - là lớp sáu bây giờ - tôi cao hơn em cả một cái đầu!

Sư lấy tay phủi những vết dơ phía bên sau áo tôi. Chợt có tiếng keng đánh một hồi dài. Lát sau, nhìn ra, tôi thấy rất nhiều chiếc y màu vàng thắp thoáng giữa những hàng cây.

- Keng đánh báo hiệu giờ ngộ trai đẩy em ạ!

Sư ân cần giải thích. Hóa ra sư không đi cùng ăn chung với mọi người. Sư đi bát và dùng trong bát.

Trưa ấy, tôi được sư cho cùng ngồi, ăn trên manh chiếu cũ.

Tôi quen vị sư ấy bởi kỷ niệm đó.

Những lần theo mẹ tôi, sau này, khi cúi xuống lạy hòa thượng ba lạy xong - là tôi lại lén ra bên sau chơi với hai con sóc hoặc vô phòng của vị sư ấy. Lúc nào sư cũng cho tôi quà này hay quà nọ. Đôi khi sư lại cho tôi những quyển sách nhỏ về mẫu chuyện đạo,

những xấp hình màu rất đẹp - mà sau này tôi mới biết đây là sự tích đức Phật từ sơ sanh đến nhập diệt...

Càng gần gũi tiếp xúc với sư bao nhiêu tôi lại càng thấy kính mến sư bấy nhiêu. Cái không khí trịnh trọng, trang nghiêm quá mức ở phía trước làm tôi sợ hãi - thì nơi căn phòng đơn sơ, nghèo nàn này lại cho tôi niềm bình an và sự thân thiết... Sư ít đi đâu. Thường thì chỉ đi khát thực quanh xóm rồi về. thỉnh thoảng nơi mạnh chiếu cũ của sư là một vài người khách nom lớn tuổi, dong mạo khác thường. Người thì hút ống vố to, người thì mang kiếng dày cộm, người thì râu ria xồm xoàm. Tôi đến, họ coi như không có. Sư cho tôi ngồi một bên, cho uống tách trà nhỏ hoặc cho ăn những viên kẹo. Khách của sư thiệt vui tính. Họ nói cười tự nhiên, hì hà hỉ hả. Đôi khi họ lớn tiếng tranh luận gay gắt một vấn đề, và cuối cùng, dường như chẳng đi đến đâu, vì chẳng ai chịu thua ai!

Một đôi lúc, thấy tội nghiệp cho cái bát của sư - vì phải cung cấp thức ăn cho bốn hoặc năm cái bao tử lớn. Sư nhịn miệng đãi khách là thường. Một vài lần thấy sư ngồi trầm ngâm bên cửa sổ, tôi vào đã lâu mà dường như sư không hề hay biết. Đôi khi sư có ngâm nho nhỏ, ư ử một vài bài thơ cổ, ngồi thiền hoặc nằm đọc sách trên võng. Trên bàn viết của sư, lâu lâu có vài nhánh phong lan, hồng, cúc... trong chiếc bình hình thuồng màu cà-phê sữa. Sư ít nói nhưng hay cười. Đi tới đi lui trong phòng hoặc uống trà một mình là sở thích khác của sư vậy.

Có lần, lúc tôi vừa đến cửa phòng sư thì bên trong có nhiều tiếng nói. Nội dung tôi không nắm vững. Hình như người ta trách sư đã dạy cho Phật tử giáo pháp cao siêu để họ bắt bẻ quý sư! Hình như họ đã cười gằn, bảo là sư muốn tu hành cao thượng hơn mọi người khi chỉ đi khát thực và ăn trong bát! Hình như họ lớn tiếng chua chát, rằng là trong chùa này ai cũng biết sư là nhà văn, nhà thơ, nhà học giả... học giả chớ không phải học thiệt đâu nghe... Sư nhẩn nhẩn và có vẻ chịu thua, không cãi lại một tiếng...

Khi họ hậm hực bỏ đi thì tôi mới vào.

- Sao người ta kỳ vậy sư?

Sư cười khê:

- Em còn nhỏ, biết làm chi chuyện ấy!

Khoảng thời gian khá lâu không đi chùa, tôi lại thấy nhớ. Mỗi lần ở bên sư là lòng tôi an ổn xiết bao. Tôi không còn thấy thú vui nơi mấy con sóc nữa - mà đời sống hiền hòa, tịch mịch, cô đơn của sư đã lôi cuốn tôi. Có một thời gian sư ốm và xanh, đôi mắt sâu hoắm nhưng sư vẫn ngồi bên bàn viết, đọc sách hoặc trầm tư nghĩ ngợi. Tôi được học hỏi từ nơi sư về cuộc đời của đức Phật, trí tuệ và từ bi của ngài. Tôi cũng được sư nói sơ sơ cho nghe thế nào là đời sống xuất gia, thế nào được gọi là cư sĩ tại gia...

Năm ấy tôi đã học lớp tám. Mẹ tôi sau khi vào thăm hòa thượng, trở ra, không tìm thấy tôi, có người mách bảo, bà đến phòng sư. Thấy tôi đang uống trà, ăn bánh cùng sư trên chiếc chiếu giữa nền nhà, mẹ tôi la toáng lên:

- Chu choa ơi, sư tập vậy là nó hư! Sư lại cho nó cùng ngồi, cùng ăn... một chiếu nữa thì giới luật tỳ-khưu ở đâu nữa hỡi trời!

Mẹ tôi kéo tôi ra ngoài. Sư thoáng tái mặt, nhưng sau đó trở lại bình tĩnh rất nhanh, nói rằng:

- Dạ, phải rồi, cảm ơn bà đã lưu tâm nhắc nhở!

Mẹ tôi đánh tôi một bạt tai tóe lửa, hét the the:

- Đã bấy lớn tuổi đầu mà không biết giới luật là cái chi cả, dám ngồi ăn với tỳ-khưu là tội lút đầu lút cổ đó nghe mậy!

Tôi rấm rứt khóc. Sư cất giọng ôn tồn:

- Thừa bà, lỗi tại tôi chứ không phải lỗi tại cháu! Thành thật xin lỗi bà nếu có gì đó không phải...

Mẹ tôi lôi tôi đi xềnh xệch, buông thông:

- Không dám ạ!

Từ đằng xa, quay lại, tôi vẫn còn thấy sư đứng khoanh tay nhìn một vật gì phía trước... Và cũng kể từ đó, về sau, mẹ tôi cấm tôi không được gặp sư, sợ hư thân mất nết. Đến chùa, mẹ tôi cứ

bắt tôi ngồi riết nơi căn phòng của hòa thượng, chẳng cho đi đâu cả. Tôi cũng cứng đầu, cương quyết không đi chùa nữa dầu bị đánh đập thế nào!

Thế là trong mắt mẹ, tôi là đứa con hư! Mẹ tôi chỉ chăm sóc hai đứa em và cho chúng đi chùa chứ không để ý gì đến tôi nữa.

Tuổi nhỏ vốn chóng quên. Mấy năm sau khôn lớn, theo chúng bạn rong chơi, tôi không còn nhớ gì chuyện cũ. Năm ấy tôi thi rớt đại học. Chú tôi từ tỉnh nhỏ vào, nói với mẹ tôi bây giờ gian hàng không có ai quản lý, chú thì đi sớm về khuya, hãy cho tôi ra ngoài ấy để chăm lo sổ sách, tiền lương sẽ trả hậu hĩnh, dù sao thì con cháu vẫn đáng tin cậy hơn người dung nước lã!

Tôi đang buồn thi hỏng, lại chán đời sống quen thuộc đầy bụi bặm ở Sài thành, muốn thay đổi không khí nên xin mẹ nhận lời. Mẹ tôi ngần ngừ vì tương lai học vấn của tôi, nhưng nghĩ đến món lợi trước mắt bèn đồng ý. Tôi từ già bạn bè, vài ba mối tình học trò vớ vẩn rồi ra đi. Tôi ở với bà thím già trông coi cửa hiệu, sổ sách, giấy tờ kế toán, nhận hàng và giao hàng; phụ tá là người đàn ông bà con xa. Việc bếp núc, giặt giũ đã có người ở gái. Công việc mới của tôi chiếm khá nhiều thì giờ, hầu như chỉ còn rảnh vào ban đêm, nhưng thường là quá mệt nên chỉ việc ngủ khoèo!

Thời gian thấm thoát trôi qua thật nhanh. Sáng sớm kia, một mối nhìn qua vuông cửa, một con chim màu xanh biếc tung cánh lên khoảng trời màu hồng lam - tôi chợt giật mình hoảng sợ! Làm việc, ăn ngủ, kiếm tiền... tôi sống như vậy sẽ được bao lâu? Một năm? Hai năm? Vĩnh viễn? Suốt đời? Đóng những bộ áo quần đúng mốt, thức ăn thức uống đủ đầy, bạc tiền tiêu pha rủng rinh... Thế là nhu cầu và đáp ứng, đáp ứng và nhu cầu - một lúc nào đó sẽ trở thành máy móc, thói quen, sẽ trở thành bản năng động vật!? Lạc thú nào? Sinh thú nào? Mục đích gì? Ý nghĩa gì - ở nơi loài động vật cao cấp hai chân? Trán tôi bỗng toát ra mồ hôi lạnh. Tôi bàng hoàng, sửng sò và như chợt thấy mình rơi hẫng vào một

hư vô không đáy... Và cũng vì hư vô ấy xô đẩy tôi đi hoang, thơ thẩn suốt mấy ngày...

Bước chân tình cờ đưa tôi đến một ngôi chùa ven biển, gặp một vị sư du phương, tôi hỏi về mục đích và ý nghĩa của đời sống. Vị sư ấy trông cũng phong trần quá lắm, ông nhìn tôi như nhìn một sinh vật lạ, ông trả lời mà như giấu bên sau một nụ cười châm biếm: *“Mục đích ư? Ý nghĩa ư? Người bạn trẻ không thấy sao? Cả cuộc đời này, nhân loại này - chúng đang tìm về với hư vô và hủy diệt đấy!”* Tôi nghe lạnh gáy, sờn cả gai ốc! Lấy lại bình tĩnh, tôi hỏi tiếp, vậy thì còn ngai, mục đích nào, ý nghĩa gì mà sống đời sa-môn không cửa, không nhà? *“Tôi ấy à? - Vị sư cười hào sảng - Tôi đang thoải mái, đang tự do rong chơi trên đồng cỏ mát dịu tàn của hư vô và hủy diệt ấy!”* Nói xong, ông bỏ đi, rớt lại câu cuối cùng: *“Ý nghĩa ư? Mục đích ư? Chúng là ma quỷ cả đấy!”* Những câu nói lạ lùng ấy được xem như là sự tỉnh thức đầu đời của tôi! Và nó cũng như là cái công án với chiếc lưỡi búa nặng ngàn cân cứ treo lơ lửng mãi ở trên đầu tôi!

Mấy ngày trở lại nhà, chú và thím rầy la tôi; lại than van là từ khi tôi làm đến nay, không thấy lời mà chỉ thấy lỗi. Tôi kham nhẫn, yên lặng rồi làm việc trở lại. Được nửa năm, tôi lại thấy chán, muốn đi hoang; nhưng nghĩ đến khuôn mặt của mẹ, của chú thím, lại thôi. Lúc này tôi hay đọc sách về khuya, sự bình an, lạc thú chỉ đến được với tôi vào những lúc mà xung quanh đều vắng lặng. Tôi lần mò suy tư vào chiều sâu đời sống lẫn chiều sâu tâm giới. Nhiều vấn đề giày xéo, dằn vặt tôi: hạnh phúc, đau khổ, thời gian, sự chết... Tôi bắt đầu sống cô lập ít tiếp xúc với mọi người, và cảm nghe mơ hồ rằng, ở hoàn cảnh nào cũng không giải thoát được sự khổ. Một vài quyển sách về Phật giáo kiếm tìm được không giải quyết nổi những bế tắc tâm linh. Ở tỉnh nhỏ, kinh sách khan hiếm, tôi biên thư cho các em tôi nhờ tìm mua một số sách cần. Chúng cung cấp cho tôi khá đủ. Cũng

từ đó, nhu cầu sách là một cái gì khá quan trọng và cần thiết cho tôi. Tôi đam mê chúng. Càng đi vào Phật giáo, tôi mới cảm thấy rằng, từ lâu, tại sao tôi không biết chúng? Tôi ngạc nhiên mà nghĩ rằng, tại sao, tuổi trẻ mình lại sống nông cạn và hời hợt đến thế? Nghèo nàn và trì độn đến thế? Ôi! bao nhiêu năm tôi đã lấy sự ngu si mà làm niềm kiêu hãnh!

Chừng một năm hơn, nhận được điện tín của các em tôi, bảo là mẹ đã qua đời vì bạo bệnh. Tôi tức tốc đáp xe lửa trở lại nhà. Thi hài mẹ tôi đã được khâm liệm và quản nơi ngôi nhà giảng tại chùa, theo như sở nguyện của mẹ. Tôi không cảm nghe rõ ràng trong tôi một tình cảm nào; nhưng khi nghe các sư tụng kinh, tôi đã rơm rớm nước mắt. Hai em của tôi khóc um lên. Tôi là đích tử nên quỳ trước quan tài, theo lệnh của chú để biết mình phải làm gì. Tôi hơi bối rối một chút nhưng sau đó lại bình tĩnh như thường. Khi ngược mắt lên, chừng hai mươi vị sư đang tụng kinh, sau làn khói mờ tôi thoáng thấy một khuôn mặt quen thuộc. Ký ức tuổi thơ đột ngột trở về, một tình cảm nhẹ nhàng như làn khói chiều thoảng nhẹ qua tôi. Tụng kinh xong tôi tìm đến sư với nước mắt nghẹn ngào. Tôi không biết nói gì. Sư hơi ngỡ ngàng một chút, nhưng sau đó lại nhận ra tôi, cũng không nói gì.

Đám tang rồi cũng qua đi. Chừng hơn tuần sau, tôi tìm đến sư. Căn phòng không có gì đổi khác cho lắm. Kinh sách có lẽ nhiều hơn. Và tôi thoáng thấy trên bàn, ngoài chiếc bình hoa xưa cũ lại có thêm một phin cà-phê và một gói thuốc hút dở. Sư đã già nhiều so với ký ức tuổi thơ của tôi; vùng trán nhiều vết nhăn hơn, đôi mắt sâu hơn, và tóc thì trông đã muối tiêu. Tôi vẫn ngồi được nơi đây sự trầm mặc và cô tịch dạo nào.

- Em cũng còn nhớ tôi. Mà tôi cũng còn nhớ em. Ôi! thoáng đó đã hơn mười năm rồi!

Sư ân cần nắm tay tôi ngồi xuống nền nhà, bây giờ đã trải chiếc chiếu khác nom có vẻ mới hơn.

- Dạ, bạch sư! Ngồi như thế này...

- Ô, không sao, cứ ngồi. Em cứ ngồi đây như thuở mà em còn bé tí tẹo vậy. Ôi! một thanh niên chừng chạc rồi còn gì!

Tôi ngồi xuống và cảm thấy mình không được an ổn như xưa. Sự an ủi tôi về sự bất hạnh của gia đình, nói rằng cái chết là một cái gì bình thường không ai tránh được. Sau đó sư hỏi tôi về chuyện ở tỉnh nhỏ (*do các em tôi kể lại với sư chăng?*) đời sống, sách vở, tình cảm và tư duy... Tôi trình bày cho sư nghe, tuy khái lược, nhưng khá rõ ràng về những cảm nhận, những băn khoăn về tinh thần: Hạnh phúc, khổ đau, cái đẹp, điều thiện... Sư chăm chú nghe, lâu lâu gật đầu. Sư toát ra sự chín chắn trong thái độ trầm ngâm.

- Đau cũng vậy cả, hoàn cảnh nào rồi cũng thế cả. Có một định mệnh hầu như tiên thiên là sự đau khổ của các loài hữu tình. Đã biết đau khổ tức là em đã lớn khôn vậy.

Sư không nói nhiều, hình như là nói ít hơn cả thuở xưa. Tôi thú nhận với sư là mấy lúc sau này tôi tìm được lạc thú và an tịnh trong việc đọc sách, cô đơn và trầm tư.

Nhìn tủ sách đầy ắp và quý giá của sư, tôi nói:

- Ước gì con được ở đây, bên sư, đọc sách này lẫn nghe những lời chỉ dạy...

Sư không biểu lộ một ý gì khác lạ.

- Em cần quyền gì thì em cứ lấy. Tôi cũng yêu quý nó lắm nhưng mà đến lúc phải rời xa.

Tôi ngạc nhiên với đôi mắt mở lớn. Sư đứng dậy pha cà-phê, lấy gói thuốc bỏ xuống chiếu, không mời tôi, rút một điều châm lửa hút. Khói thuốc thơm tỏa dịu dàng, căn phòng như ấm cúng hơn. Tôi chợt liên tưởng đến tiết sương mù mùa xuân trong nắng ấm.

Sư nói:

- Lúc này tôi cũng đậm hư rồi, em thấy không, cũng cà-phê, cũng thuốc lá.

Sư cười dịu dàng, sốt ly cà-phê làm hai tách nhỏ. Sư nhấp

một ngụm rồi thở khói. Ly cà-phê và một điều thuốc, lúc ấy mới thú vị làm sao. Tôi nghe lòng mình thoáng êm đềm.

- Em hãy lựa đi, thứ nào mà em thích, em cần; còn một số từ điển, ngoại ngữ, kinh sách bìa da cứng, dày, tôi đã lỡ hứa cho người ta hoặc để lại thư viện chùa.

Sư nói sau một hồi im lặng. Tôi ngần ngại.

- Vậy sư ra đi thật sao? Sư đi đâu?

Sư lại trầm ngâm.

- Em hỏi chi điều đó.

Tôi nghe mình thở ra.

- Kinh, sách, tuy em thích lắm, nhưng em không lấy. Em chưa xứng đáng để nhận nó.

Sư nhìn tôi thật lâu với đôi mắt yên lặng.

- Tôi kính trọng lòng tự trọng của em nên tôi cũng không ép gì. Tùy ý em vậy.

Hôm đó, sư không chịu nói rõ lý do của sự ra đi, mặc dầu tôi đã cố ý gạn hỏi. Tôi man mác buồn và cảm thấy như mình sắp phải lìa xa một cái gì thật quý báu.

Đêm đó là một đêm trăng, tôi quyết định đến thăm sư. Tôi không đi ngõ trước mà tôi đi ngõ sau. Lối này phải đi quanh qua một nghĩa địa được tiếng là lăm ma, nhưng chỉ cần mở cổng thép gai bên sau là đến phòng sư rồi. Đến giữa nghĩa địa, tôi thấy ai ngồi bất động trên chiếc mộ đen, dưới ánh trăng mờ không nom rõ hình dáng. Tôi sợ hãi định thối lui thì chợt nghe giọng ngâm thơ thẳm thì phảng phất trầm buồn.

- Tử sinh bao kiếp cũng dường,

Cõi về dậm lữ mù sương nhạt nhòa

Phủ tay hạt bụi ta bà,

Nửa rơi nửa đọng la đà hiên không

Ai xưa cánh hạc thông dong,

Ngang trời để lại một dòng nước xao.

Tôi cất tiếng.

- Sư đây phải không sư? Phải sư đây không?

Hỏi xong, tôi lom lem bước tới.

- A, em đó ư? Tiếng sư thì thảo như hơi gió thoảng - đi đâu mà qua ngõ này khuya vậy?

Tôi đã đứng bên sư.

-Ồ! lời thơ và giọng ngâm thơ của sư sao mà buồn não nùng đến thế?

- Ừ! Mà nó cũng buồn thật!

Sư thở ra. Tôi ngừng nhìn sư. Sư ngồi kiết già bất động, phía bên trên, mặt trăng tỏa một vùng sáng dịu dàng. Một cái gì an nhiên lẫn cô liêu kinh khiếp giữa hoang địa này. Đẹp. Đẹp lạ lùng.

Rất lâu, tôi hỏi.

- Em nghe người ta bàn tán về sư nhiều, bên lề chuyện ra đi của sư đó.

Cũng rất lâu, nhà sư mới trả lời.

- Tôi yêu chân lý, em ạ. Tôi yêu vẻ đẹp, điều thiện; nhưng đồng thời tôi cũng yêu cuộc đời với tất cả cái thường tình và dung tục của nó. Nhưng mà - Sư bỏ lửng một lúc - Cuối cùng, đức Phật cao cả hơn, huy hoàng hơn; lại quyến rũ và thúc bách tôi hơn. Ha ha... mà thôi... điều đó mà nói ra cho em biết thì chỉ có hại chứ không có lợi. Sớm quá, em còn trẻ quá...

- Sư cứ nói - Tôi nhấn mạnh, giọng biểu lộ sự tự tin vô biên - Em có đọc sách, em có suy tư và nhất là em đã có sống. Em cũng đã từng khổ đau. Em mong là em sẽ hiểu phần nào từ nơi cái tâm sự bao la bát ngát ấy.

- Có thiệt thế không? Là người ta có thể hiểu nhau?

- Dạ không! Em nói “hiếu” theo nghĩa khác - Tôi nói với giọng thiết tha, náo nức - Cái hiếu theo nghĩa ấy là, mình tìm thấy trong người kia những điểm giống mình, và đồng thời, tìm thấy những cái khác mình. Chữ theo nghĩa vẹn toàn, toàn bộ thì không thể. Sư thấy không - Tôi đưa tay chỉ vùng mặt mù phía

trước - xa lắm, xa xôi lắm, ở tận cuối một biên thùý heo hút nào, không ai thấy được, không ai tới được. Mỗi người, mỗi cõ, mỗi phương - những cái hoang đảo, ốc đảo, nghi ngút và nhập nhòa khói sương. Thế thì làm sao hiểu nhau được? Thấy nhau được? Mỗi người, bao giờ vẫn cứ chõn vòn bên nhau. Chõn vòn. Chõn vòn. Phải rồi. Ở bên nhau, gần bên nhau nhưng chưa bao giờ thấy nhau. Không thể có điều đó. Và chẳng, mỗi người, mỗi vật vẫn là cái gì cá thể, cá biệt tính thể nào đó. Sự cảm thông, tương giao, là những từ cưỡng ép, không thật - chỉ nói lên sự bất lực, tuyệt vọng của ngôn ngữ loài người. Cái bất khả thể toàn. Bất khả phải không su? Bất khả cảm thông. Đã từ lâu rồi, em không cần cảm thông. Trong từ điển của em rất ít những mỹ từ! Ở đây em chỉ muốn sư nói và em nghe, và em học. Em còn quá trẻ. Hiểu biết thì chưa bao lắm. Em cũng yêu đức Phật. Yêu nụ cười thánh thiện, bao dung, êm đềm... tất cả, tất cả... Em yêu thiên thu và chí mỹ. Em yêu sự cô liêu của đỉnh núi. Em yêu sự u tịch của thâm lâm ngàn đời heo hút. Và ở nơi sư có những điều ấy. Vậy, sư hãy nói đi, và em lắng nghe, thể thôi!

Chưa bao giờ mà tôi nói nhiều đến thế. Đêm mơ màng và yên lặng. Sư lại thở ra. Lại nhìn rất lâu vào cõ mù mịt. Tất cả hình như đang bất động. Một vì sao xẹt xuống bên sau ngôi mộ cỏ.

- Em đã có một cõ riêng - Sư nói - Và tôi cũng thế. Tôi không ngờ em đã suy tư nhiều. Lại hiểu biết quá sớm. Lại khổ thôi. Tôi cũng đau khổ, nhưng tôi không biết nói gì. Tôi yêu sự thật, yêu cái cao khiết; đồng thời, tôi cũng yêu cuộc đời với những bất toàn của nó... Sư lại ngập ngừng - Kiến thức tôi có hơn em, nhưng không bao nhiêu lắm. Ồ, mà nó cũng không đáng kể. Kiến thức chỉ đem đến ngã mạn, sở tri chương và đại nạn - nó không mang lại sự yên lặng, thấy biết, tha thứ và yêu thương. Em ơi! Cũng như em vậy thôi, tôi còn cần phải học hỏi, làm học trò suốt cuộc đời, làm đứa con trần gian. Ồ, tôi muốn nói nhiều lắm mà nói không được. Tôi đã thật sự vụng về và ngọng nghịu quá lắm, xin

em thứ lỗi. Xin em hãy thứ lỗi cho tôi!

Tôi cố giấu cảm xúc để giữ sự yên lặng thanh khiết này. Ôi, sao mà buồn, buồn lạ lùng. Ôi cuộc đời, sao mà buồn quá thế!

- Em à - Sur lại nói tiếp - Tôi sẽ ngồi đây suốt đêm rồi ngày mai tôi đi. Có lẽ là đi xa lắm. Có lẽ là tôi sẽ đến một khu rừng già ở cao nguyên trung bộ; tôi sống với khí, vượn, với muông cầm, điều thú. Cũng có thể tôi đến một hoang đảo cô tịch, một nơi chốn không có vết chân người. Đến đó làm gì, tôi chưa biết. Nhưng tôi sẽ đến. Có lẽ là tôi đến đó để gởi tấm thân phù du huyền mộng này. Cũng có thể tôi đến đây để trở thành A-la-hán. Cũng có thể tôi đến đây để đau khổ hơn, quằn quại hơn. Nhưng xin em đừng tưởng tôi chạy trốn trần gian, làm kẻ đào tẩu khôn cùng. Không. Tôi yêu cuộc đời. Và lòng tôi giàu có. Tôi gặp em hôm nay, ở đây, thật là hay. Em biết yêu sự chân thực, và tôi cũng thế. Trái tim chân thực của tôi hiện đang bị rướm máu. Vậy thì gặp em, tôi mừng lắm. Em hãy ngồi với tôi một lúc lâu để tôi được nhìn em qua ánh trăng. Em cũng nhìn tôi qua ánh trăng. Thế thôi! Ô, tôi không biết nói gì! Tôi quá vụng về, xin em thứ lỗi!

Tôi muốn ôm sư và khóc. Nhưng tôi đã không khóc, tôi chỉ cầm bàn tay gầy ốm của sư mà run run. Tôi cũng không quay lại. Tôi nhìn nơi ngôi mộ cỏ đen và không thấy gì ở đó.

- Tôi yêu khoảng vắng này em ạ! Nên tôi đến ngồi đây - Giọng sư như cơn gió thì thảo thoảng nhẹ bên tai - Một khoảng vắng, những nấm mồ và những người chết cô đơn. Và tôi cũng cô đơn. Có những buổi sáng, tôi không đi cổng trước mà tôi đi ngõ sau này xuống phố khát thực hoặc ta-bà men theo các thôn làng ngoại ô. Ngõ này quyến rũ tôi hơn, không biết tại sao. Nên con đường này, khoảng này đã trở nên thân thiết. Vậy tôi phải đến từ già nó, ngồi với nó một đêm. Một đêm thì chưa bao nhiêu nhưng như vậy cũng tạm đủ rồi. Trước sau gì cũng phải xa nhau.

Lại yên lặng.

Sương mù hình như đã xuống dày đặc.

- Phía này nhiều sương đêm hơn phía trước vì nhiều cây cối và gần sông, có lẽ. Sư nói tiếp như tự sự - Qua sương đêm ta sẽ thấy những cọng cỏ mềm rất đẹp, lấp lánh sương, lấp lánh trăng. Lại hiền lành. Nhất là nó hiền lành quá đỗi. Còn hoa dại thì tha hồ. Những tấm hoa li ti, cánh đỏ, cánh tím, cánh trắng... pha lẫn nhau rất lạ lùng - chúng nằm bên góc mộ không thể thấy được nếu ta không để ý. Ồ, mà nó cũng chẳng đẹp lắm đâu, thơm thì cũng không thơm lắm, đôi khi hăng hắc nữa; nhưng cái mùi hoang dã của thiên nhiên thì kỳ đặc, không thể lẫn vào đâu được. Trông chúng li ti li ti bé bỏng, hiền lành ngoan ngoãn quá. Chúng nằm hòa bình bên nhau mà không nói gì cả, không đâm đạp nhau, không xâm lăng nhau. Có những con bướm bướm, chuồn chuồn, châu chấu; những con cánh đỏ, cánh tím, cánh cam lẫn những con sâu tí hon, tuy đôi khi chúng rất hoang nghịch, nhưng tóm lại, cũng hiền lành. Tôi thường không dám đụng đến chúng kể cả một giọt sương, sợ nó tan đi. Tôi bước đi nhẹ nhẹ... nhẹ nhẹ... À, thú vị lắm! Đã có bao giờ em làm như thế chưa? Bước nhẹ nhẹ... nhẹ nhẹ rồi em sẽ lắng nghe một cảm giác êm đềm, một tinh nghịch thuở ấu thơ nào còn sót lại. Ồ, tuyệt diệu lắm. Ôi! Những sinh vật li ti và những loài hoa vô danh bé nhỏ, rồi ta sẽ xa các người!

Lại yên lặng.

Tôi như nhòa tan giữa sương mù và không còn ý thức sự hiện hữu của mình nữa.

- Phương trời nào mà cũng không có chúng - Sư nói tiếp với hơi thở ra - Đồng ý vậy rồi. Nhưng xa thì cũng phải nhớ. Không nhớ nhiều lắm đâu. Nhưng buồn buồn. Nhất là con đường này rồi ta phóng tầm mắt về phía trước, có những ngôi nhà con con, những lùm cây xanh, rặng dừa cùng chân trời xanh lơ quen thuộc. Chúng cũng hiền hòa quá đỗi. Cho nên, nghĩ là phải xa một cái gì đó là buồn rồi. Ngôi chùa, thầy tổ, đệ huynh, bằng hữu, đệ tử... tôi cũng nhớ nhưng nhớ cách khác. Tôi chưa có thì giờ

để phân tích sự khác nhau này. Và lại, tôi cũng không thích phân tích lắm đâu.

Giọng nói sư ngập ngừng, đứt đoạn, trùng lặp - tôi lắng nghe như uống cả vào lòng. Say choáng váng. Buồn mênh mông.

Bây giờ thì trăng đã chênh chếch về phía Tây. Giun đé râm ran cả một vùng. Tôi nghe giọng mình nghèn nghẹn.

- Sư ra đi rồi không trở lại nữa sao?

- Hà! Ai biết được tương lai rồi sẽ ra sao!

- Người ta sẽ thêu dệt nhiều chuyện lắm đấy!

- Ừ! Cứ để tự nhiên vậy mà!

- Em sẽ không tin những điều họ nói...

- Tin, không tin; phải, không phải! Sư cười khẽ - Chính tôi cũng đang ngơ ngác về điều này đấy em ạ! Khó lắm!

Sương đã thấm lạnh trên vai. Tôi leo lên ngồi bên cạnh sư, cảm thấy mình được gần gũi và được che chở. Tôi kéo cao cổ áo và ngồi co mình lại.

Tôi cất giọng buồn buồn.

- Đất trời đã ngủ khuya. Em mong tất cả mọi người đều triền miên trong giấc ngủ như thế. Giấc ngủ đồng nghĩa với sự chết nhưng cũng đồng nghĩa với yên ổn và hòa bình. Lúc thức, con người thường làm khổ nhau - Tôi nói với niềm phẫn hận thế nào đó ở trong lòng - Cuộc đời đã không cho sư ở yên, phải không? Cái phi lý, cái buồn cười, cái ngu si, cái điên đảo, cái hợm hĩnh của con người xung quanh đã làm xót đau những trái tim chân thực, đã làm cho những tấm lòng cao đẹp bị héo quắt đi, có phải thế không sư?

Sư không trả lời, và hình như những điều tôi nói ra vừa rồi cũng thừa thãi và vô duyên làm sao!

- Hà, thôi! Em đừng nên nói đến những chuyện đó nữa. Mỗi người, cuối cùng, vẫn là những thế giới cách biệt. Những bóng ma chờn vờn, chờn vờn bên nhau như em nói đó!

Tôi tranh luận.

- Đành rằng thế, nhưng phải có cái đúng, có cái sai chứ?

Sư cười nhỏ.

- Chính có đúng, có sai mới khổ đấy em ạ! Phía nào rồi cũng bị tổn thương cả, ấy mới kỳ!

- Vậy thì phải làm sao?

Tôi ngược mắt hỏi, chờ đợi.

Sư đưa tay bóp trán.

- Em đã hỏi điều quá khả năng tôi. Vả chăng, tôi cũng đang bị tổn thương, đang đau khổ. Nhưng tôi chưa nghĩ là phải giải quyết chúng!

- A! Tôi muốn la to lên - Cả hai phía đều bị tổn thương thì phải tìm cách giải quyết chúng chứ, thoát ly chúng chứ? Đau khổ đâu phải là cái gì tiên thiên? Nó phải do điều kiện sinh, hoàn cảnh sinh. Phải biến cải hoặc chuyển hóa chúng chứ?

Sư chợt cười thành tiếng.

- Điều đó nói ra chẳng biết là có quá sớm đối với em không đây. Hà hà, biết nói sao, biết nói sao bây giờ nhỉ. Tôi không đến nỗi quá lúng túng hoặc bối rối lắm trước câu hỏi của em. Nhưng mà. Nhưng mà, em đừng nên nghĩ thế. Chuyển hóa hoặc biến cải hoàn cảnh, điều kiện ư? Chẳng phải. Chẳng phải thế. Em đã bị kinh sách đầu độc. Em đã sai lầm trầm trọng. Sai lầm như tôn giáo, triết học, các hệ thống tư tưởng, các chủ thuyết chính trị đã sai lầm. Ai cũng đòi biến cải, chuyển hóa, giải quyết bằng cách này hay bằng cách khác. Chiến tranh và địa ngục nằm ở đây, em biết không? Ngàn xưa là hổ thảm mà ngàn sau cũng là hổ thảm! Em đã thấy chưa? Em có biết không? Mà thôi, tôi mà nói ra thế thì tôi cũng sai lầm nốt. Nói ra là trật, dù chỉ cách một sợi tóc! Em làm gì được cho sự giác ngộ và giải thoát cho em thì cứ làm. Còn tôi thì tôi đã không làm gì từ lâu lắm rồi!

- Vậy thì làm sao để hết đau khổ?

- Ô! Sao em lại vây ngặt tôi quá thế? Từ khi tôi thấy tôi, tôi biết tôi; nghĩa là từ khi tôi có ý định ra đi, tôi đã không còn dám

đề cập những vấn đề tương tự. Nó quá trọng đại so với khả năng tôi. Giảng dạy cho người ta, tôi cũng không dám nữa. Vì biết đâu, sau này tôi sẽ nói khác? Em có tin như vậy không? Và em có thấy rằng, mình là một cái gì vô cùng bé nhỏ mà cũng vô cùng phức tạp. Chẳng có công thức, đáp số nào khả dĩ giải mã cho hàng triệu trái tim và khối óc riêng lẻ ấy... Ôi! thật là vô cùng riêng lẻ...

Tôi bản thân nghĩ ngợi. Có lẽ không phải sư không biết, mà sư cố lấp lửng vấn đề, do khiêm tốn, do tâm sự riêng tư? Hoặc, vấn đề là ở chỗ lấp lửng, chỗ không nói được đó chăng?

- Tại sao sư lại ra đi? Tôi lại cố bối tìm, như con gà với cái đồng rác của hấn - Và cả nỗi buồn mệnh mông của sư nữa?

- Hà, hà! Sư hình như cười nho nhỏ trong bóng tối nhạ nhem của trăng khuya - Em muốn bắt bí tôi đấy mà! Nếu tôi trả lời là tôi không biết rõ?

Tôi im lặng. Chịu. Rồi lại cố tìm căn nguyên.

- Có lẽ sư nói giỡn chăng?

- Hà, nếu tôi nói tôi bị chùa đuổi?

- Em không tin.

- Vì tôi không sống nổi nơi đây?

- Em cũng không tin!

- Thấy chưa! Sư cười khê - Cả mấy lý do mà em đều không tin thì làm sao em tin vào những lý do khác?

- Đấy mới chỉ là “nếu” - Tôi cũng cười - có lý do nào mà không “nếu” kia!

- Thôi được - Sư gật đầu - Tôi sẽ giả thiết thêm, có lẽ vì dòng máu du mục hoặc là dòng máu khát sĩ lang thang đã ăn sâu trong tôi từ nhiều kiếp chăng?

- Không phải - Tôi lắc đầu - Ở đây phảng phất cái gì như trời trần, như vĩnh biệt.

- Có lẽ vì tôi không kham nhẫn nỗi khổ đau ở nơi này!

- Sư dư sức. Và biết đâu ra đi lại khổ đau hơn!

- Năm sáu lý do rồi đấy nhé; thêm một lý do nữa: Tôi là kẻ đào tẩu hoàn cảnh.

- Lại càng không phải nữa.

- Thế là hết, những lý do của riêng tôi! Còn em, em nghi tôi vì những lý do nào?

- Em mù tịt - Tôi lắc đầu - Nhưng có thể vì sở đắc, vì thành tựu phạm hạnh chẳng?

- Ô! Các pháp đều như ảnh, như bóng, như điện chớp, như giấc chiêm bao, như mộng, như huyễn - thì có gì mà sở đắc, thành tựu được hờ em!

- Luyện tâm, luyện thần thông, có thể như vậy chẳng?

- Tôi không có ý chí kiên định để làm việc đó.

- Ra đi để người khác khỏi bức bối, khó chịu về mình.

- Tôi chưa cao thượng được như em nghĩ.

- Hoặc ưa sống đời tịch tịch, cô đơn.

- Tôi thì chưa bao giờ xa rời tịch tịch cô đơn; vả lại, ở đâu cũng có thể tìm kiếm chúng được cả!

- Trời ơi! Tôi la lên - Sao mà con người sư nó bí hiểm đến thế? Cả mười mấy lý do đều sai cả sao?

Sư cười một tiếng ngắn.

- A, em nhớ lại coi, sai là từ mà em dùng chứ không phải tôi đấy nhé! Tôi nói cách khác.

- Kỳ lạ không? Tôi như chợt khám phá ra - Thế là cả mười mấy điều trên đều đúng cả sao?

Sư nói chậm rãi.

- Hóa ra, trong óc em, chỉ có cái đúng, cái sai - chứ không có cái gì khác nữa sao?

Đến đây thì tôi hoàn toàn ngơ ngác.

Sư im lặng hồi lâu rồi cất tiếng lớn.

- Đây có lẽ là điều cuối cùng đáng nói với em! Cuộc đời này, tất cả những vấn đề như lẽ thật, sự thật, cái đẹp, điều thiện hoặc bất kỳ cái gì khác; bất kỳ cái gì tôn quý như đạo đức, các

giá trị tinh thần thiêng liêng; cho chí những vấn đề rất đỗi tầm thường, bình thường trong tương quan với đời sống dung tục, với nội tâm con người, không thể nói được đâu em, không nói được cái gì cả! Chúng thường không ở trong phạm trù hạn hẹp của cái đúng, cái sai đơn giản ấy đâu - em hãy nhớ lấy!

Phương Đông đã hùng sáng từ bao giờ. Sư khẽ ngược mắt nhìn lên rồi đứng dậy. Dáng chênh vênh giữa trời. Một lúc, sư bước xuống mộ, mang xách và bát lên vai rồi nắm tay tôi.

- Câu chuyện chấm dứt ngang đây là vừa phải, không sớm quá, không muộn quá. Sáng nay trời đầy đặc cả sương mù. Thôi, tôi đi nhé!

Nói xong, nhà sư nhìn tôi khá lâu, mỉm cười dịu dàng, khẽ vỗ lên vai tôi rồi bước đi, đi thẳng không hề quay lại...

Trên con đường nghĩa địa, sớm mai đó, dáng dấp một sa môn chậm rãi bước đi, xa dần, nhỏ dần... rồi nhòa tan vào sương mù phía trước. Hình ảnh ấy, một lần thôi mà mấy chục năm sau trong tâm tôi vẫn còn hiện rõ.

(Chùa Phật Bảo, Phú Thọ Hòa, 1973)

Bức Tranh Thay Đổi Thế Giới

Họ là đôi bạn thân kể từ thời còn học ở đại học Sorbonne, sau đó, cùng chọn chuyên ngành khảo cổ học. Jabindu, người Népal; Robinson, người Mỹ. Thời trẻ, cả hai đều say mê công việc khô khan và vất vả của mình. Dấu chân của đôi bạn đã dẫm khắp những di tích lịch sử ở hai bờ sông Nile, sông Hằng, Trung Á, Con Đường Tơ Lụa và cả Nam Mỹ...

Họ thuộc hai nền văn hóa khác nhau.

Jabindu yêu những dãy núi băng giá sừng sững như muốn thi gan với trời đất; yêu đàn trâu Yark lang thang trên đồng cỏ; yêu thiên nhiên hoang sơ chưa có bàn tay con người uốn nắn, cải tạo; yêu con đường mòn nhỏ quanh co cùng những mái lá bình dị, xanh xanh khói bếp thanh bình; yêu những câu ca, điệu hát hồn nhiên, vô tư của các cô gái từ các nương rẫy và đồng quê yên ả...

Robinson thì khác thế. Ông ta yêu những phòng nghiên cứu tối tân có đầy đủ dụng cụ khoa học hiện đại; yêu những siêu thị mát mẻ, bóng lộn, phong phú, đáp ứng đủ mọi nhu cầu thiết thân của đời sống; yêu những đại lộ thênh thang, những cao ốc chọc trời và những quy hoạch vườn cảnh sạch đẹp, phẳng phiu, ngay hàng thẳng lối; yêu những tiện nghi ăn, ở, mặc; những bảo hiểm và an toàn về y tế, ngân hàng, nhân thọ...

Chẳng rõ nhân duyên hoặc do suy nghĩ thế nào, đột nhiên, Jabindu từ bỏ gia đình, bằng hữu, từ bỏ sự nghiệp nửa chừng, từ bỏ phố thị và phòng nghiên cứu rồi mất tích nhiều năm trong những dãy núi hùng vĩ ở Himalaya. Còn Robinson thì vẫn đắm

chìm và mê man giải mã các nền văn minh cổ xưa qua những dấu vết của các hiện vật và di chỉ lịch sử bất cứ ở đâu trên thế giới. Bây giờ niềm say mê ấy không còn nữa, ông đã mệt mỏi lắm rồi.

Hôm kia, thật là ngạc nhiên, Robinson nhận được thư của Jabindu do một du khách người Mỹ - vốn là sinh viên cũ của ông - trao lại, sau cuộc hành hương từ Népal và Tây Tạng trở về. Thư của Jabindu có một đoạn nội dung như sau: *“Từ biên giới Népal, theo đường bộ hiểm hóc, leo lên Tây Tạng, chừng ba trăm ki-lô-mét - đi bằng xe trâu kéo - sẽ gặp một ngọn núi thơ mộng màu ngọc bích, có một cây đại thụ lá đỏ chừng hai ngàn tuổi đứng ngạo nghễ một mình... Từ đó, về hướng Tây chừng vài ba ki-lô-mét, gặp một con suối; bạn cứ đi mãi lên thượng nguồn... Hãy nhìn vào các vách đá liên lạc kéo dài, chỗ những mặt phẳng nhẵn bóng, nơi nào có những ký tự thuộc ngữ hệ Pàrkrit cổ; bạn luôn sâu vào một vài hang động: tôi đang ở đây và đang thọ hưởng hạnh phúc từ “nền văn minh” của mình. Bạn hãy đến đây, sau mùa xuân, khi tuyết đã tan, tôi sẽ tặng bạn một bức tranh vô giá được hoạch đắc từ xứ sở lạc hậu này.”*

Cầm lá thư ó vàng và nhàu nát trong tay, Robinson phân vân với nhiều nghi vấn. Jabindu đã là một tu sĩ rồi chăng? Và sao lại là một bức tranh? Ông bạn kỳ quặc này trao câu đố như thế là có ý nghĩa biểu tượng gì? Nó có liên hệ chút nào đến sự bất an và vô vàn câu hỏi bức xúc hiện nay của ta? Ôi, đã lâu lắm rồi, người bạn Châu Á ấy: Ông ta có đôi mắt sâu hun hút của những huyền sử, của những vấn nạn triết học, của những thắc mắc siêu hình cùng những cực đoan tâm linh khi nhìn về nền văn minh Tây phương tân tiến, mà ông ta coi là quá đồi hời hợt và còn quá non trẻ. Ông nói nguyên văn là, một *vị-thành-niên* tri thức chưa có độ chín! Họ đã tranh cãi với nhau rất nhiều lần. Và lần nào cũng bế tắc, cùng đường. Ví như Jabindu nói:

- Nền văn minh của các bạn đã đi ngược đầu hơn hai nghìn

năm trước kể từ thời Aristote. Ấy là con đường của lý trí khôn ngoan, của tư duy ngã tính nhưng chẳng minh triết chút nào. Là lộ trình của điên đảo và hủy diệt...

- Không. Nền văn minh nào cũng là sự kế thừa của những thành tựu khoa học. Là chất xám đặc như keo, là sự thai nghén khổ hạnh của những tế bào não, là tiếp truyền trí tuệ đỉnh cao của loài người qua nhiều thiên niên kỷ. Chính nguyên nhân đói nghèo, lạc hậu... của Đông phương các bạn là do tự mãn, do quay lưng với khoa học và còn do coi thường vật chất nữa... Một kiểu tự mãn tâm linh cố chấp và kỳ quặc!

Jabindu cười to:

- Tự mãn là đúng - vì nền văn minh hiện đại của các bạn có nguyên động lực bên trong là *dục vọng và bản ngã chiếm hữu*. Đây là tâm thức sơ khai, gần với bản năng nguyên thủy, biểu hiện một loại người chưa được tiến hóa về tâm linh cho lắm!

Robinson cũng cười. Lại nhạo:

- Đói nghèo, cơ cực, tối tăm và bệnh tật... là thực trạng của nền văn minh tinh thần của loại người tiến hóa cơ đấy!

Jabindu trả miếng:

- Chiến tranh, hận thù, khủng bố, bất an, động đất và bão lụt...; bất an giữa các giá trị đức lý, xung đột giữa các chủ thuyết và rối loạn giữa những ý thức hệ... Tất cả những hiện trạng đó đưa đến bất hạnh, thống khổ và điêu tàn... Đây chính là thành quả do nền văn minh vật chất ưu việt mà các bạn hiến tặng cho loài người!

Robinson cười nhạo:

- Vì là ưu việt nên chúng tôi có đời sống cao sang, tiện nghi vật chất phong phú và choáng lộn. Còn các bạn... thì được núi rừng, được thảo nguyên hoang sơ, được các thôn ấp, nhà cửa tối tăm với gián với chuột với muỗi mòng...; đi đâu cũng thấy phân và rác, những vũng nước tù đọng...; đến nỗi không có cả một công trình vệ sinh tối thiểu... Đây không phải là sống, là đời sống

- mà *chỉ là cách thức để tồn tại của những bộ lạc tiền sử* thời còn săn bắt hái lượm...

- Đúng, đúng... Jabindu gật đầu lia lịa - Nói chung, Đông phương là như thế, nhưng đầu phải là tất cả, bạn đừng vơ đũa cả nắm! Vì tri túc với cái ăn, cái mặc, cái ở... nên họ mới xuất sinh được các bậc hiền triết, có sinh hoạt tâm linh phong phú, có đời sống chan chứa nhân văn, thiên nhiên và tình người; có nội tâm khiết đạm, thanh bình; không có những cuộc cạnh tranh khốc liệt trên mọi lãnh vực sinh hoạt xã hội; không có bóp óc, nặn trán, tính toán chạy theo lợi nhuận, năng suất, bạc tiền hoặc những mục đích trục vật hư dối ở bên ngoài. *Hạnh phúc của họ là ở bên trong*, này Robinson!

- Bên trong!? Làm gì có cái gọi là hạnh phúc bên trong nếu không do các điều kiện tối ưu ở bên ngoài quyết định? Ảo tưởng đấy, Jabindu!

- Nó tự có. Nó có thật, Robinson! Bạn không thể hiểu nổi đâu! Robinson vượt vượt mũi, châm chọc:

- Khi nào bị chiếu bí là bạn tung hỏa mù siêu hình rồi chạy trốn, giỏi lắm!

- Bạn chưa bước vào ngưỡng cửa lãnh địa của sinh hoạt tâm linh thì nói gì cũng như đối thoại với người điếc. Bạn gọi nó là siêu hình hay là gì gì thì tùy thích. Còn tôi thấy nó rất thực tế. *Nó là cái thực nhất*, Robinson!

Cuộc tranh luận, đấu khẩu nào cũng đưa đến nhị nguyên, hai đảng cố thủ hai biên: Biên này và biên kia; bên trong và bên ngoài; vật chất và tinh thần... Người phát triển chiều thức biến hóa. Người huân công nội lực tiềm ẩn. Không bao giờ ai chịu thua ai. Không bao giờ họ chịu ngồi chung một chiếu mạn đàm. Và rồi họ châm chọc nhau, đả kích nhau rất gay gắt, chua chát nhưng không kém phần thú vị, vui vẻ. Tuy nhiên, Robinson vẫn luôn cho rằng, Tây phương ưu việt là nhờ phát triển khoa học, nhờ thông tuệ, nhờ không ngừng tìm kiếm và sáng tạo. Đông

phương đói nghèo và lạc hậu... cần phải mượn chiếc đũa thần khoa học của Tây phương. Cần phải được khai hóa. Jabindu thì bảo là chúng tôi không cần sự ưu ái của các bạn: Sự khai hóa ngược đời, ngu ngốc ấy! *Trăm tư và thiên định* mới là hạnh phúc đích thực của chúng tôi.

Mặc dầu quan điểm đôi bên không dung hợp được nhưng tình bạn giữa họ với nhau thì thật vô cùng thâm thiết. Cứ hễ xa nhau là thấy nhớ, như âm với dương. Có một thời hai người còn liên lạc khẩn khít với nhau. Trong lá thư cuối, cách đây hơn mười năm, Robinson cảm nhận là dường như bạn mình đã có lối thoát, đã có con đường nào đó rất sáng tỏ. Còn ông, càng đi sâu nghiên cứu các nền văn minh cổ xưa chừng nào thì những lý luận ngoan cố, phản khoa học của Jabindu càng trở nên thuyết phục. Qua những kết quả tìm thấy trên những đồng tro tàn đổ nát của lịch sử, dù bia mộ bí mật, chữ viết tượng hình hay các ký hiệu, biểu tượng thần, thánh, người, vật phức tạp... Robinson đều đi đến một hệ luận chung quyết, một kết quả giống nhau: Sau cái khuôn vỏ hào nhoáng của văn minh, thời nào cũng thế, thường tồn tại những thảm trạng đen tối, những phản ứng phụ nguy hiểm! Cũng như sự thực của nền văn minh đương đại: Con người ngày nay, ngày càng trở nên máy móc và tha hóa. Mọi giá trị nhân sinh, mọi nền tảng đức lý đều điên đảo và rệu rã. Trái tim và tâm hồn của công dân thời đại hạ nguyên tử đã trở nên khô cứng vì họ phát huy hết công suất tối đa cho cái cỗ máy lý tính. Những tệ trạng xã hội tung rải mầm độc cho tuổi trẻ và các thế hệ tương lai. Chiến tranh và nạn khủng bố đe dọa mạng sống của cư dân trái đất. Người ta đã hủy phá thiên nhiên một cách tàn bạo, không thương tiếc; môi trường của hành tinh xanh bị nhiễm ô, bị vấy bẩn thối tha do hóa chất và rác thải công nghiệp. Khói, bụi, vi trùng, siêu vi, khí độc... đầy đặc trong không gian, máu huyết, óc não, trong hơi thở và cả trong trái tim người! Tất cả đây không được gọi là sự điều tàn thê lương của noạ tính, của hổ thãm, của huỷ diệt là

gì? Nền văn minh hiện nay - niềm tự hào của ông - kết quả cuối cùng sẽ bi thảm như thế, như nó đã từng diễn ra trong lịch sử. Robinson chợt nhớ bạn một cách da diết. Jabindu đã có lý. Đúng là ông bạn của mình thuộc loại người tiến hóa bậc cao. Bậc thầy siêu việt. Hay là những tiên tri thời đại?

Lá thư với những dòng chữ vẽ một địa chỉ mơ hồ, nhưng Robinson có *“bổn phận”* phải tìm cho ra. Và ông đã tìm ra. Những vách đá và những hang động huyền bí, hoang sơ dường như chưa có vết chân người. Nắng, bụi, mồ hôi, dốc cao, vực sâu... như trò chơi oái oăm, gian lao muốn thử thách ý chí và nghị lực của Robinson từ ông bạn già Đông phương tinh nghịch. Từ từ, chậm rãi, Robinson cùng người dẫn đường địa phương luôn sâu mãi vào các hang động. Đây rồi! Một hình hài gầy khô như que củi đang tọa thiền trong ánh sáng nhờ nhờ, nhưng Robinson vẫn nhận ra vóc dáng quen thuộc của Jabindu. Ông đứng lặng rất lâu. Lẽ nào đây là cứu cánh của kiếp sinh tồn? Lẽ nào đây là hình ảnh của người đã tìm ra niềm bình an vĩnh cửu? Trong không gian tịch mịch, lắng đọng... thời gian như lùi lại cả hàng ngàn năm, tri giác ông chợt như khói như sương, mỏng manh và bất thực. Những ký tự không phải Pāli, không phải Sanskrit đầy đặc nơi những vách đá cho Robinson hiểu rằng: Jabindu đã thâm ngộ một điều gì đó rất phi thường ở đây. Có lẽ là một phép luyện tâm của một nền văn minh cổ xưa nào còn lưu lại.

- Rồi bạn sẽ biết chúng nói gì! Jabindu đứng lên từ trong bóng tối, phá tan sự yên tĩnh - Chúng là một loại cổ ngữ pha trộn phức hợp, chưa hoàn chỉnh, sau này thành ngôn ngữ Pāṇini. Tôi đã đọc được chúng. Hóa ra là kinh Phật. Nếu muốn nghiên cứu, bạn sẽ có những tấm dập âm bản tương đối rõ ràng. Này Robinson! Bạn khỏe chứ?

Cả hai ôm lấy nhau, siết chặt. Jabindu dìu bạn mình đến một hóc hang động có ánh sáng, đốt thêm một ngọn đèn từ mỡ trâu

Yark. Trong không gian yên tĩnh, cổ sơ... Jabindu đái “*người bạn văn minh*” của mình nước mưa và trái cây rừng. Bây giờ, Robinson mới nhìn thấy rõ Jabindu hơn: Khuôn mặt queo quắp, răn đanh, gầy ốm, xương xẩu, tóc râu lún phún muối tiêu; quàng trên người một tấm vải màu cứt ngựa quét thổ hoàng. Đặc biệt là đôi mắt cực sáng, biểu hiện một sức sống nội tâm mãnh liệt. Trước mặt Robinson là hình ảnh một đạo sĩ sống cách đây vài nghìn năm... Như cổ tích. Như huyền sử...

- Mừng cho bạn đã được bình an! Jabindu đọc được điều đó và cảm thán mở lời.

Jabindu cười nhẹ:

- Còn hơn thế nữa, Robinson! Tôi đã không còn bất cứ một câu hỏi nào. Tất cả trí và tâm đều đã trở nên vắng lặng.

- Tuyệt! Robinson nắm chặt bàn tay xương xẩu và nhìn sâu vào mắt người đối diện - Hồi xưa, bạn có lý, Jabindu!

Vị sa-môn gật đầu chẳng khiêm tốn tí nào, rồi lại lắc đầu:

- Bây giờ, không phải là cái lý, dù hữu lý - mà là *cái thực* - này Robinson!

Robinson tin bạn mình nói thật, nhưng ông vẫn chưa biết đó là cái gì, bèn nhích tới, có vẻ chăm chú, rồi hỏi:

- Nó là cái gì? Có phải là *hiểu và biết* không, Jabindu?

- Không phải thế. Phạm trù của cái *hiểu và biết* rất giới hạn. Nó luôn luôn có điều kiện và có đối tượng... Cái *hiểu và biết* ấy là quá khứ, là thời gian và sinh tử, Robinson!

- Tôi có thể chưa hiểu. Vậy nó có phải là *trạng thái* không?

- Lại càng không, Robinson! Trạng thái nào, dù an lạc tuyệt đỉnh, chúng cũng chảy trôi, không có một điểm tựa thực hữu, chỉ là sự hội tụ mong manh của các năng lượng!

Robinson nhăn mày:

- Vậy nó là cái gì?

Jabindu trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Dù tôi nói nó là cái gì - thì cả bạn, cả tôi cũng sẽ mãi đóng

đỉnh chân nhau, không đi ra khỏi cái phạm trù của *hiếu và biết*. Chúng ta vẫn bị nó quy định và giới hạn từ khi bắt đầu có nhận thức. Lý do tôi biên thư mời bạn đến đây cũng vì lẽ đó...

Nói xong, Jabindu bước tới vách đá, thò tay vào khoảng hõ bên trong, lấy ra một bức tranh rất cổ, lồng trong một khung gỗ đen sì được bọc kỹ lưỡng bằng tấm da dê rất mịn, bụi và mạng nhện bám đầy. Vừa lau chùi khung hình, Jabindu vừa nói chuyện:

- Thầy tôi là đệ tử chân truyền của đức Mahà Kassapa, người đã duy trì mạng sống nhiều trăm năm nay chỉ với một mục đích duy nhất là bảo vệ Tam Tạng trên vách đá, đồng thời chờ đợi một người đệ tử có căn cơ để trao truyền sở học cùng kinh nghiệm tâm linh tu chứng. Tôi là người được chọn. Bạn tin hay không tin điều tôi vừa nói cũng chẳng quan hệ gì! Kinh nghiệm tâm linh tu chứng nhận được từ thầy, tôi đã trao truyền cho một nhóm đệ tử; hiện giờ họ đều đang ẩn cư, chờ lúc nào thuận duyên sẽ đi hóa độ nhiều phương. Còn lưu hậu và hoằng truyền kinh văn thì tôi sẽ trông cậy ở nơi bạn vậy...

- Tôi hiểu rồi. Tất là giải mã động kinh văn này rồi dịch nó ra tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, in ấn rồi lưu truyền. Việc ấy tuy khó nhưng không phải không làm được. Bằng hữu của chúng ta có rất nhiều học giả ưu việt và nhiệt tình. Họ làm việc rất khoa học và rất nghiêm túc...

- Tôi cũng tin là như vậy.

- Thế còn bức tranh này?

Jabindu dựng bức tranh ở chỗ có nhiều ánh sáng nhất. Tranh gần như là tượng trưng, ẩn tượng hay siêu thực? Trông thì rất cổ xưa mà cũng rất hiện đại. Khó biết chất liệu giấy. Mực màu thì dường như được mài ra từ các loại ngọc; còn nội dung thì chúng chìm ẩn, lấp lánh đa sắc với nhiều hình tượng xen lẫn rất khó cảm nhận, rất khó thông hội...

- Nó là cái gì?

Robinson không dừng được, cất tiếng hỏi.

Jabindu nở nụ cười như hoa sen hé nhụy:

- Nếu là gì thì chúng ta lại loay hoay nơi cái chỗ *hiểu và biết* mất thôi!

Robinson cười xòa:

- Vậy tôi sẽ không hỏi nữa, chỉ nghe thôi!

Jabindu chậm rãi nói:

- Tác giả bức tranh này là ai thì thầy tôi không nói, nhưng người đã cất giữ như một bảo vật. Nghe đâu là của một nhà sư nghệ sĩ vô danh, trong cơn thiền định xuất thần, ông đã làm nên tuyệt tác ấy. Mọi ý nghĩa của nó nằm ẩn sâu hút bên sau mọi đường nét, mọi sắc màu biểu tượng. *Bức tranh phải quay mặt về hướng Đông*. Chính ánh sáng và dương khí của mặt trời chiếu dội và tác động vào thì màu sắc của các loại ngọc mới ứng lên, mới hiển hiện đúng sắc độ cần thiết, đúng đích thực cái điều mà bức tranh muốn nói... Còn nếu không, bức tranh chỉ còn là một bức tranh đẹp, cổ xưa và quý báu, vậy thôi... Bạn có thể bán nó với giá mấy triệu mỹ kim!

Jabindu dí dỏm. Cả hai cùng cười xòa. Sau đó, Jabindu cốt giữ một khoảng lặng để cho Robinson sẫm soi nhìn ngắm bức tranh cho thật kỹ; và cũng để cho ông ta tha hồ cảm nhận, tha hồ tưởng tượng...

Thời gian trôi qua...trôi qua... Robinson phát biểu:

- Thật lạ lùng. Khi tôi nghĩ nó là một bức tranh phong cảnh thì nó hiện ra đúng là một bức tranh phong cảnh. Một phong cảnh kỳ tuyệt, dường như là không có thật ở trên đời: Một cảnh thần tiên nào đó, mà, các nàng Apsara và hoa và lụa với những vũ điệu dập dờn, uyển chuyển, nhẹ nhàng trong khúc hát nghe thường vô cùng thanh khiết. Nó thanh khiết... đến từng hạt bụi, hạt sương... Khi tôi nghĩ nó là một biểu tượng tôn giáo thì tôi thấy cả hằng sa Đức Phật và Thánh Chúng giữa những vàng mây ngũ sắc, trên những bảo tọa hoa sen... tất cả đều tịch lặng, thanh trong và vô nhiễm...

- Đúng vậy! Jabindu tiếp lời - Còn nữa, còn nhiều nữa... Cứ hễ chúng ta nghĩ là gì thì nó sẽ hiện ra như thế, *đúng như tâm và tưởng của chúng ta vẽ ra*. Hàng trăm, hàng ngàn cảnh... nhưng vẫn chưa hết, chưa đủ... Tuy nhiên, tất cả chúng chỉ là ảo ảnh, cái do ta tưởng tượng mà nên. Còn cái thực thì *bức tranh phải được quay mặt về hướng Đông*. Rồi, cứ thế mà nhìn ngắm, chẳng rõ thời gian bao lâu, một lúc nào đó, một giờ, một ngày, một tháng, hai tháng, trong một sự tình cờ thế nào đó, *cái thực* sẽ hiện ra, *đúng như mà nó là*.

- Hướng về phương Đông, có ánh sáng mặt trời?

- Phải! Bức tường nào đó nơi ngôi nhà của bạn. Và phải đúng y như thế, phải trung thực. Chỉ cần hướng phía mặt trời, không cần ánh nắng, chỉ cần dương khí!

Robinson trầm tư giây lâu, rồi nói:

- Vâng! Vâng! Trung thực, bức tường hướng về phía Đông. Tôi tin lời bạn. Nhưng *cái thực* ấy để mà làm gì? Nó ích dụng gì cho tôi, Jabindu?

- Lúc ấy bạn sẽ không còn một câu hỏi nào nữa. Bạn sẽ khai mở được mọi bế tắc, sẽ vượt qua phạm trù của *hiểu và biết*.

Robinson tự nghĩ: "*Nền văn minh tin học hiện nay dựa trên những ký hiệu, mã số tạo nên muôn trùng không gian sinh hoạt ảo, sẽ rơi vào hố thẳm diệt vong, đấy là điều chắc thật. Sự tìm kiếm của thời đại hạ nguyên tử cũng đang hoang mang, cùng đường. Hạt hay sóng cũng chỉ là năng lượng. Thực thể tối hậu là gì thì khoa học cũng đang còn ngỡ ngàng. Điểm tựa cuối cùng của nhân loại vẫn đang còn là ẩn số. Nhưng bây giờ, ở đây, trong không gian cổ sơ này, sự bình an của bạn ta rõ là một sự thực không cần bàn luận, lý giải...*"

Jabindu nắm chặt hai vai bạn, lay mạnh:

- Hãy mang bức tranh này về phương Tây, Robinson! Chỉ với một yêu cầu duy nhất: *Bức tranh phải được quay mặt về hướng Đông*. Đây là sở nguyện của tôi như để đáp tạ tình bạn cố tri, và

đồng thời, tri ân bạn trong công trình kinh điển gian khổ sau này.

Ông thở một hơi nhẹ nhẽ rồi tiếp:

- Sau khi trao bức tranh, tôi chẳng còn việc gì để làm trên cuộc đời này nữa. Mong rằng, bạn sẽ được bình an. Đây có thể là lời vĩnh biệt, Robinson!

Lưu luyến chưa vội từ giã, nấn ná suốt mấy ngày, Robinson mới bùi ngùi cất bước ra đi. Khi máy bay lên độ cao, nhìn xuống những dãy núi trùng điệp, hoang sơ, mây, tuyết và khói sương dật dờ... Robinson vẫn chưa tin là vào thế kỷ hai mươi mốt này, lại còn có những bậc minh triết ở ẩn, khước từ đường như tuyết đối ánh sáng văn minh, sống an nhiên và tự tại với nhu cầu thanh bạch của một cánh chim rừng, dường như không cần một đòi hỏi vật chất nào! Cái gọi là đời sống tâm linh thuần túy không phải là hoang đường và phi thực!

Khi đã ở trong ngôi biệt thự cao sang với những tiện nghi hiện đại nhất ở Los Angeles, Robinson còn mang cảm giác như mình đã từ mấy nghìn năm lịch sử trở về. Việc đầu tiên là ông mở vội bức tranh huyền bí, kiểm tra lại xem việc vừa xảy ra là thực hay là mộng. Bức tranh sờ mó được, là có thực. Nhưng câu nói cuối cùng của Jabindu thì đúng lời trần trời có cánh và có lửa. Chúng hàm tàng nội lực tu chứng cùng nhiều ẩn ý. Việc phiên dịch toàn bộ Tam Tạng là một công trình dài hơi, nhưng chưa phải là cấp bách. Tìm một vị trí thích hợp để tôn trí bức tranh là việc quan trọng, ông không thể phụ lòng Jabindu được. Lại nữa, nó là sự bình an của chính ông.

Mang bức tranh bước vào thư phòng, Robinson nhìn hướng mặt trời rồi ngắm nghía. Một lúc, ông bước tới, bước lui, nhìn từng cửa sổ, nhìn các phòng ốc kế cạnh, nhìn ra vườn... Lát sau, ông lấy la bàn ra xem, đo đạc, tính toán... Ông bước ra vườn, nhìn các bức tường rồi lại đo đạc, tính toán... Robinson chột suy nghĩ rất lâu. Ông như đắm chiêu, bất động...

Suốt hai ngày, Robinson không muốn ăn, không muốn ngủ; ông như ở trong trạng thái không phải tỉnh, không phải mê. Ngày thứ ba, Robinson vùng dậy, gọi điện thoại đăng ký lấy máy bay trở lại Nepal...

Dường như Jabindu biết trước việc xảy ra, nên lần này ông đón bạn từ dưới chân núi với nụ cười rất lạ. Jabindu dìu bạn từng bước một, thân thiện, ân cần... Nhưng Robinson thì rất nóng vội:

- Không thể được, Jabindu!
- Bạn nói cái gì không thể?
- Bức tranh mà bạn cho, không thể treo ở đâu được cả!
- Tại sao?

Đợi đến khi trở lại hang động, Robinson mới nói rõ lý do:

- Này nhé, Jabindu! Đầu tiên, bước vào thư phòng, tôi nhắm hướng Đông để tôn trí bức tranh. Muốn chính xác phải căn đến la bàn. Nếu đúng là hướng Đông thì thư phòng phải quay chênh một góc gần ba mươi độ. Cũng được, không sao. Nhưng nếu thiết kế lại phòng sách thì phòng ngủ, phòng bếp, phòng nghiên cứu, phòng khách, phòng ăn ... hoàn toàn phải thay đổi, phải vẽ lại hết. Giả dụ mất nửa triệu đô la để làm việc ấy thì cũng xứng đáng. Thấy được *cái thực* với giá ấy thì quá rẻ. Tuy nhiên, khi nhìn ra vườn thì tôi mới thật sự bối rối, hoảng kinh. Nếu bức tường nhà thay đổi thì toàn bộ hướng nhà phải thay đổi, đồng thời khu vườn cũng phải thay đổi. Thay đổi khu vườn của mình, hy sinh được, nhưng ảnh hưởng các căn nhà và những khu vườn bên cạnh thì phải làm sao! Có thể thương lượng với họ được không? Rất khó. Nhưng khó hơn là con đường trước mặt - lối chính vào thành phố- sẽ biến thành kỳ quặc. Ông thị trưởng, hội đồng kiến trúc sư, các nhà quy hoạch cũng như dân chúng, không ai cho phép một người bất bình thường hoặc một gã tâm thần làm việc điên rồ đó...

Nghĩ lấy hơi một chút, Robinson tiếp tục:

- Càng nghĩ, tôi càng bàng hoàng, Jabindu! *Nếu tôi treo được bức tranh hướng mặt về phía Đông thì tôi phải thay đổi cả thành phố Los Angeles...*

Jabindu có vẻ ngạc nhiên:

- Kinh khiếp đến thế cơ à?

- Chưa đâu, Jabindu! Nếu thay đổi thành phố Los Angeles thì các xa lộ, đại lộ, đường cao tốc bắc, nam, đông, tây đều phải thay đổi. Theo đó, cả nước Mỹ phải thay đổi...

Jabindu gật đầu, nhú mày:

- Đúng là như thế thật!

- Chưa đâu, Jabindu! Khi bản đồ nước Mỹ mà được vẽ lại thì các sân bay, những trạm, những ga, những bến tàu sẽ tìm chỗ khác thích hợp hơn. Và thế là sự rối loạn sẽ như đĩa xúp hùm-bà-lăng. Nước Mỹ sẽ có chiến tranh. Thế giới chiến tranh: Chiến tranh kinh tế, chiến tranh thương trường, chiến tranh dầu hỏa, chiến tranh xây dựng, chiến tranh thủ đoạn, man trá và lọc lừa... Nói tóm gọn một câu: *Muốn treo được đúng hướng bức tranh quý quai này thì phải thay đổi cả thế giới...*

Robinson thở dài, đưa cả hai tay lên trời như đầu hàng, bỏ cuộc. Sau đó, trân trọng trả lại bức tranh cho Jabindu:

- Món quà trân quý này, tôi không có duyên phần, xin hoàn về cổ chủ!

Jabindu hững hờ đặt tay lên bức tranh, nhìn thẳng vào mắt Robinson, cất giọng trang nghiêm:

- Cũng tương tự thế là *cái thấy*, này Robinson! *Cái thấy làm thay đổi thế giới, thay đổi toàn bộ thế giới...*

- *Cái thấy* ấy... làm sao?

- Là thay đổi cách nhìn. Nó vượt qua phạm trù của hiểu và biết. Nó chính là tuệ giác. *Cái thấy của tuệ giác...*

Robinson tròn xoe mắt, ngơ ngác với những dấu hỏi tận cuối chân trời. Giọng nói của Jabindu từ miền chân không của ý tưởng, vẫn an nhiên, trầm ấm rót nhẹ vào tai:

- Chính tư, tưởng và thức là thủ phạm làm cho *cái nhìn* của chúng ta bị sai lệch, đảo điên. Cái hiểu và biết của chúng ta về thế giới, nhân sinh... cũng từ đó mà phát sanh sai lầm, cục bộ... Triết học, các hệ thống tư tưởng, các ý thức hệ... từ xưa đến nay đã đưa ra những phán quyết chủ quan, tự thị... đã đẩy nhân loại đến chỗ tranh chấp, tương tàn và huỷ diệt... Nền văn minh cà rốt, bột mì, thông tin, điện tử, các giá trị ảo... không giải quyết nổi cái quần quai, đau khổ, bấn loạn của tinh thần con người. Phải xoáy cái nhìn vào bên trong, Robinson! Phải thay đổi cái nhìn ấy. Một cái nhìn trạm nhiên, trong suốt, vô vi, mới mẻ... không qua phân tích, lý giải, không bị nô lệ bởi tư, tưởng và thức, này Robinson!

Robinson có vẻ trầm tư, nhưng vẫn nghe rõ mồn một lời của Jabindu vang vọng giữa động sâu, như ở ngoài không- thời- gian:

- Toàn bộ thế giới đang ở nơi tâm trí bạn đều là sản phẩm của quá khứ, của tri kiến quá khứ. Đã cũ kỹ. Đã ám khói. Đã úa vàng. Đã chết rồi. *Bạn không dám thay đổi thế giới, thì vĩnh viễn, không bao giờ có được cái thấy tự tại, giác ngộ và giải thoát tình khôi ấy đâu*, này Robinson!

(CHUNG)